

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

TÌM HIỂU CHỨC NĂNG XÃ HỘI

của Phật giáo

VIỆT NAM



PGS.TS TRẦN HỒNG LIÊN

**TÌM HIỂU
CHỨC NĂNG XÃ HỘI
CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM**



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
TP. HỒ CHÍ MINH - 2010**

* Dẫn nhập

Ở Nam Bộ, hai lĩnh vực Dân tộc và Tôn giáo có vai trò quan trọng và có mối quan hệ chặt chẽ. Phật giáo là tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất, gắn với cộng đồng Việt, Hoa, Khmer. Trong thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa-Hiện đại hóa, Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là Phật giáo Nam Bộ, có những đóng góp gì cho xã hội? Hay nói cách khác, chức năng xã hội của Phật giáo thời hiện đại này như thế nào? Đây là câu hỏi khó đối với việc nghiên cứu Phật giáo Việt Nam trong quá trình phát triển xã hội.

Nghiên cứu mối liên hệ giữa Phật giáo và xã hội trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội của vùng đất Nam Bộ sẽ góp phần vào việc tìm hiểu vai trò xã hội của Phật giáo, thúc đẩy mối quan hệ tích cực giữa tôn giáo và xã hội. Đồng thời, tìm hiểu những chức năng xã hội cơ bản của Phật giáo trong quá trình Hiện đại hóa, cũng sẽ đóng góp vào sự phát triển xã hội Việt Nam nói chung, đặc biệt là ở Nam Bộ. Tăng cường việc tìm hiểu Phật giáo, làm rõ những biểu hiện đặc thù của chức năng xã hội của Phật giáo, chủ yếu là Phật giáo Nam Bộ, còn nhằm để có kế hoạch, chỉnh sách tôn giáo phù hợp trong điều kiện xã hội Việt Nam hội

nhập khu vực và thế giới, nhằm đẩy mạnh việc bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của Phật giáo Việt Nam, để có kế hoạch phát triển một xã hội Việt Nam bền vững.

Như vậy, đối tượng chính của đề tài là tìm hiểu những chức năng xã hội của Phật giáo Nam Bộ trong quá trình biến đổi nhanh chóng hiện nay. Do Phật giáo có nhiều lĩnh vực cần nghiên cứu, nên trong khuôn khổ thời gian cho phép, đề tài chỉ đi vào những hoạt động của Phật giáo, từ năm 2000 trở lại đây.

Trong thời gian hơn 5 năm qua, trên lĩnh vực Phật giáo, việc nghiên cứu đã được đẩy mạnh, đặc biệt là tại hai Viện nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện nghiên cứu Phật học, nay là Học viện Phật giáo, và tại Trung tâm nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo thuộc Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ.

Để trả lời cho những vấn đề trên, cuốn sách giải quyết các câu hỏi nghiên cứu đặt ra:

- Các chức năng xã hội của Phật giáo được thể hiện như thế nào?

- Sự chuyển đổi những chức năng này qua thời gian?

- Các thiết chế của Phật giáo và tín đồ đã đáp ứng với chức năng này như thế nào khi xã hội thay đổi?

- Có hay không những hình thái tổ chức mới nhằm đáp ứng về mặt chức năng trong điều kiện xã hội mới?

- Có sự tương đồng và khác biệt nào giữa các hệ phái Phật giáo trong việc thực hiện chức năng xã hội ? Giữa Phật giáo với các tôn giáo khác ở Nam Bộ?

Trong quá trình giải đáp các câu hỏi đưa ra, cuốn sách tập trung vào 3 lĩnh vực cơ bản: kinh tế, văn hoá, xã hội.

Về kinh tế, Phật giáo thể hiện quan niệm về hoạt động kinh tế ra sao, và những ảnh hưởng của giáo lý Phật giáo vào việc kinh doanh có góp phần mang lại một nền kinh tế thị trường có dấu ấn của đạo đức và sự trung thực hay không?

Về văn hóa, đạo Phật góp phần tạo lập và duy trì bản sắc văn hóa nhóm và cá thể: Đây mạnh tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam trong lịch sử, đưa tinh thần ấy vào nhiều lĩnh vực trong xã hội để góp phần thực hiện có hiệu quả việc phát triển xã hội.

Về xã hội, với chức năng liên kết xã hội, Phật giáo thực hiện sự hợp tác, hòa hợp giữa các hệ phái, giữa tăng ni và Phật tử. Tăng cường tình hữu nghị với Phật tử và các tổ chức Phật giáo trên thế giới, tham gia xây dựng hòa bình, hạnh phúc cho nhân loại trong mục đích phụng sự dân tộc. Ngoài ra, với chức năng phúc lợi xã hội, Phật giáo thực hiện tinh thần từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn trong giáo lý để giúp đỡ, hỗ trợ cho những người khốn khổ, thiếu kém trong xã hội.

Khái niệm về chức năng xã hội

Trong ngôn ngữ lý luận xã hội học, khi nói đến chức năng, người ta có thuật ngữ *functionalism*. Phân tích xã hội bằng phương pháp loại suy (analogy) với cơ thể sinh học và đánh giá các thiết chế xã hội về mặt vai trò mà chúng đóng trong đời sống xã hội là những giả thuyết chính của lý thuyết chức năng (...). Có thể tóm tắt tư tưởng cơ bản của chức năng luận như sau. Bất kỳ một hệ thống ổn định nào cũng bao gồm những bộ phận khác nhau nhưng liên hệ với nhau, chúng cùng nhau vận hành để tạo nên cái toàn bộ, tạo nên sự ổn định hệ thống. Có thể xem là hiểu được một bộ phận trong hệ thống khi hiểu được cái cách mà nó đóng góp vào sự vận hành hệ thống. Sự đóng góp vào việc vận hành ổn định của hệ thống được gọi là chức năng. Các bộ phận có tầm quan trọng chức năng khác nhau đối với hệ thống¹.

1. Bùi Thế Cường (2006). *Phân tích chức năng trong nghiên cứu xã hội*. Khoa học xã hội số 5/2006, tr. 74.

*H.Spencer*¹ cho rằng: Mỗi cấu trúc được khác biệt hóa phục vụ cho những chức năng nhất định để duy trì đời sống/sự tồn tại của cái tổng thể. Mọi cấu trúc chỉ có thể tồn tại và vận hành thông qua sự phụ thuộc của chúng vào những cấu trúc khác.

*E.Durkheim*² được coi là người đầu tiên xây dựng khái niệm chức năng một cách có hệ thống và áp dụng vào nghiên cứu khoa học chặt chẽ đối với đời sống xã hội. Trong công trình "*Những hình thái sơ đẳng của đời sống tôn giáo*" (*Les formes élémentaires de la vie religieuse*) ông nghiên cứu chức năng của tôn giáo đối với xã hội. Theo ông, sự tồn tại của tôn giáo trong xã hội chứng tỏ nó có một chức năng: góp phần duy trì sự thống nhất đạo đức trong xã hội.

Truyền thống chức năng luận của Durkheim được tiếp nối trong nhân chủng học nửa đầu thế kỷ XX, với hai đại diện nổi bật là *A.R.Radcliffe-Brown*³ và *Bronislaw Malinowski*⁴. Đóng góp quan trọng của Malinowski là ông nhấn mạnh đến tầm quan trọng của phân tích thiết chế và đưa ra một khung phân tích thiết chế. Theo ông, thiết chế là

1. Herbert Spencer (1820-1903) học giả theo thuyết chức năng luận.

2. Emile Durkheim (1858-1917) được xem là người đầu tiên xây dựng khái niệm chức năng một cách hệ thống và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

3. Alfred R.Radcliffe-Brown (1881-1955) nhà nhân chủng học người Anh.

4. Bronislaw Malinowski (1884-1942) nhà nhân chủng học người Anh.

những cách thức chung và tương đối ổn định để tổ chức các hoạt động của con người trong xã hội nhằm đáp ứng hay thỏa mãn những nhu cầu hay yêu cầu cơ bản của xã hội. Những đặc trưng chung nhất của mọi thiết chế bao gồm: điều lệ, con người tham gia, chuẩn mực, cơ sở vật chất, hoạt động, chức năng.

Theo R.K.Merton¹, chức năng luận là một chiến lược để xếp đặt các khái niệm vào trật tự và lựa chọn những cái có ý nghĩa khỏi các quá trình và hiện tượng không có ý nghĩa.

Tôn giáo thực hiện nhiều chức năng và đóng một vai trò xác định trong đời sống xã hội. Từ điển Wikipedia nêu lên 3 chức năng chính của tôn giáo.

- *Chức năng tích hợp xã hội* hay còn gọi là *kết hợp xã hội*: tôn giáo có các giá trị, tiêu chuẩn của nó, vì thế những người có cùng một tôn giáo gắn bó với nhau hơn nhờ những giá trị và tiêu chuẩn chung ấy. Từ xã hội nguyên thủy, những thành viên của xã hội đã có chung một *vật tổ* - biểu hiện hữu hình của sự gắn kết.

- *Chức năng kiểm soát xã hội*: theo quan điểm duy xung đột, đặc biệt là của Karl Marx, tôn giáo ngăn cản sự biến đổi xã hội bằng cách khuyến khích những người bị áp bức vào các quan tâm ở thế giới khác, thay vì do sự đối

¹ Robert K. Merton (1910-2003)

nghèo, hay sự bóc lột đang hiện diện. Tôn giáo góp phần kiến tạo các định chế và trật tự xã hội như một tổng thể, duy trì hiện trạng của xã hội, giữ nguyên cấu trúc bất bình đẳng của nó cũng như củng cố lợi ích của tầng lớp thống trị.

- *Chức năng hỗ trợ xã hội*: dù ít hay nhiều, con người thường phải đối mặt với khó khăn, hiểm nguy, thất bại, thiên tai, bệnh tật,... cái chết của những người thân thuộc, yêu quý và cái chết của chính bản thân mình. Trong những lúc như thế, cuộc sống rất dễ bị tổn thương và trở nên vô nghĩa, niềm tin tôn giáo giúp cho con người khó bị rơi vào tuyệt vọng hơn. Một số tôn giáo còn cung cấp cho con người những biện pháp như cầu nguyện, cúng bái thần linh trong niềm tin rằng những việc làm như vậy sẽ giúp cải thiện tình hình. Trên giác độ khác, tôn giáo còn cho con người một cứu cánh trong bất hạnh đó là coi bất hạnh ấy là ý của đấng thiêng liêng và có một ý nghĩa nào đấy mà con người không nhận thức được. Trong nghĩa cơ bản, tôn giáo tạo ra phương tiện để giải quyết những vấn đề sau cùng: sống, chết mà không có lẽ phải thông thường nào có thể đưa ra lời giải đáp¹.

Theo sự phân tích của một tác giả trên mạng mang tên Chương trình học liệu mở Việt Nam (Vietnam

1. "Tôn giáo". Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

<http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4n_gi%C3%A0o#Vai_tr.C3.B2_c.E1.BB.A7a_t.C3.B4n_gi.C3.A1o_trong_x.C3.A3_h.E1.BB.99i>

OpenCourseWare), tôn giáo có 5 chức năng. Hai chức năng “đền bù hư ảo” và “thế giới quan” thường được những học giả theo quan điểm Mác xít nhắc đến. Ba chức năng kia tương tự với phần trình bày trên.

Các khái niệm “chức năng” và “vai trò” gắn liền với nhau nhưng không đồng nhất. *Chức năng là các phương thức tác động của tôn giáo trong xã hội, vai trò là tổng kết quả, hậu quả của việc tôn giáo hoàn thành các chức năng*¹.

“Chức năng tôn giáo chính là sự hội nhập xã hội, hay nói khác hơn là sự quy phạm hóa các chuẩn mực, các quy tắc hành động lên các cá nhân, đây là khả năng tích cực của tôn giáo trong các thiết chế xã hội”².

Trên cơ sở một số khái niệm chính nêu trên, đặc biệt là của Malinowski, sẽ cung cấp khung lý thuyết cho việc tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo dưới đây.

1. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh, Lê Hai Thanh (2005). *Tôn giáo Lý luận xưa và nay*. Nxb. Tổng Hợp TP.HCM, tr.333.

2. Thích Tâm Thiện (1999). *Tìm hiểu tôn giáo của đạo Phật*. Nxb. TP.HCM, tr.14.

Khái niệm về phát triển

Rabushka và Shepsle¹ cho rằng phát triển là một khái niệm phức tạp và có nhiều nghĩa khác nhau. Phát triển không chỉ bao gồm việc tạo ra của cải vật chất phong phú mà còn là sự gia tăng cơ hội cho cá nhân và làm cho chất lượng cuộc sống tốt hơn.

Vì một khái niệm đa diện như vậy khó đo lường được nên trong bài viết của mình, hai tác giả Rabushka và Shepsle tập trung vào ý nghĩa hẹp của nó, đó là: tăng trưởng kinh tế dẫn đến một mức sống cao hơn, và phát triển là tác nhân tạo điều kiện để tăng thu nhập cho cá nhân².

Nói đến phát triển, ngày nay, trên nhiều lĩnh vực, ai cũng thừa nhận rằng, đó phải là sự phát triển bền vững.

1. Rabushka, Alvin và Kenneth A. Shepsle (1972), "Politics in Plural Societies: A Theory of Democratic Instability".

http://www.cid.harvard.edu/cidstudents/thesis_prize/thesis_2002/ch1.pdf

2. Phan Ngọc Chiển (2008), *Khung lý thuyết và phương pháp về bản sắc (identity), về vai trò của văn hóa, dân tộc và tôn giáo đối với ổn định bất ổn định xã hội; đối với liên kết lý khai xã hội, đối với bao gồm loại trừ xã hội*. Ban thao.

Chương I

Chức năng của Phật giáo đối với văn đề kinh tế

“Max Weber (1905) là người đầu tiên nhận ra vai trò quan trọng của tôn giáo trong những thay đổi của xã hội. Ông chứng minh rằng chính việc chấn hưng Tin Lành đã tạo nên cuộc cách mạng tư tưởng làm nảy sinh chủ nghĩa tư bản hiện đại. Gần một thế kỷ sau công trình nghiên cứu của Weber, tầm quan trọng của tôn giáo trong việc giải thích các khía cạnh của mỗi quốc gia dường như lại được đem ra bàn thảo. Trong khi các học giả tránh đề cập đến sự tương quan trực tiếp của tôn giáo với các khía cạnh nền kinh tế, họ cố gắng liên kết tôn giáo với các nền tảng cơ bản vốn đã và đang được phát triển ngày càng vững mạnh”¹.

1. Dẫn theo Luigi Guiso, Paola Sapienza, and Luigi Zingales (2002), *People's Opium? Religion and Economic Attitudes*, NBER Working Paper No. 9237, October 2002, JEL No. O57, O40, P51.

Nhận định về ảnh hưởng của tôn giáo vào đời sống kinh tế - xã hội, Iannaccone cũng cho rằng: "Tôn giáo thường có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với "các nguồn lực xã hội" trong một xã hội, và sự ảnh hưởng này có thể trở thành một nhân tố then chốt để lý giải kết hợp với nguồn nhân lực và tài lực quyết định sự tăng trưởng kinh tế quốc gia"¹. "Tuy nhiên theo như Keely viết², Weber không đánh giá cao vai trò của tín ngưỡng tôn giáo trong việc quyết định sự vận hành nền kinh tế. Ông ta cho rằng chủ nghĩa tư bản không dựa trên đạo đức của Tin Lành, nhưng cần động lực thúc đẩy và những việc làm xuất phát từ nền tảng đạo đức và không quan tâm đến ý nghĩa tôn giáo"³.

Từ những lập luận trên, có thể thấy rằng, tôn giáo, Phật giáo nói riêng đều có ảnh hưởng và trở thành nhân tố quyết định sự tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Đi vào chức năng kinh tế của Phật giáo, có câu hỏi nghiên cứu đặt ra rằng: Những người tu có nên làm kinh tế không? Có thể chạy theo lợi nhuận do lợi ích của kinh tế đem lại không? Nếu có, thì các phương thức tác động của

1. Iannaccone, L. (1998). *Introduction to the Economics of Religion*, Journal of Economic Literature 36, pp. 1465-1496.

2. Keely, L. (2003). *Comment on: People's opium? Religion and economic Attitudes*. Journal of Monetary Economics 50, pp. 283-287.

3. Esa Mangeloja (2003). *Implications of the Economics of Religion to the Empirical Economic Research*. <http://129.3.20.41/eps/othr/papers/0310/0310004.pdf>

Phật giáo vào lĩnh vực kinh tế như thế nào? Như vậy, với đường hướng tác động đó, kinh tế Phật giáo đóng góp gì vào sự phát triển xã hội bền vững?

Trước nay, không ít người cho rằng đã là đệ tử Phật thì việc kinh doanh chỉ mang tính cầm chừng, vì giáo lý Phật giáo chủ trương *vô ngã*, cuộc sống này là *vô thường*, phải quán niệm “thiền dục, tri túc” (bớt ham muốn dục vọng và biết đủ). Phải chăng quan niệm đó đã tác động phần nào đến nền kinh tế nước nhà? Từ đó có ý kiến cho rằng: Hiện nay Phật giáo không còn phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại, với giai đoạn hiện đại hoá và công nghiệp hoá.

Tìm hiểu tư tưởng cũng như những xu hướng tác động của giáo lý Phật giáo vào những nhu cầu của con người do Đức Phật đề ra sẽ thấy rằng quan niệm về kinh tế học Phật giáo mang tính tích cực và có lợi cho sự phát triển kinh tế bền vững.

Kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* (Phẩm Phương tiện) cho thấy sự uyên chuyên của giáo pháp, dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Không có một lời dạy trực tiếp nào về chủ đề kinh tế trong kinh điển Phật giáo, nhưng lời dạy của Đức Phật về 4 nhu cầu: *ăn, mặc, ở và thuốc men* xuất hiện khắp trong kinh điển, đều có liên quan đến kinh tế học. Kinh *Chuyên Pháp Luân vương* (*Dhammacakkapavattanasutta*) trao truyền lại nội dung của Tứ Diệu Đế và Bát Chính đạo giúp làm sáng tỏ câu hỏi trên. Kinh nhằm

đến đạo đức trong sự tiến bộ vật chất của loài người, chỉ ra rằng: sự nghèo nàn đưa đến trộm cắp và phá hủy những định chế xã hội, đưa đến sự suy thoái trong đời sống cá nhân và xã hội. Trong kinh, Đức Phật gián tiếp đề cập đến công ăn việc làm, sản xuất phân phối, tiêu thụ và phát triển của kinh tế cá nhân hay quốc gia để nuôi dưỡng hạnh phúc vật chất của con người.

1. Các phương thức tác động của Phật giáo vào lĩnh vực kinh tế

Kinh tế học Phật giáo (KTH.PG) dựa trên và bắt nguồn từ những lời dạy về 4 nhu cầu *ăn, mặc, ở và thuốc men*. KTH.PG được biểu hiện bằng lòng từ bi, sự yêu thương, lòng nhân từ, tính vị tha... cho thấy mối quan hệ tương hỗ và phụ thuộc lẫn nhau. Mục đích tối thượng của KTH.PG là sự an vui của toàn nhân loại. KTH.PG quan niệm sự giàu có là phương tiện chứ không phải là mục đích, vì vậy nên vận dụng thuyết trung đạo để giới hạn những ham muốn và tiêu thụ, không nên để cho nghèo nàn quá mà cũng không nên giàu có quá! GS.TS S.Bhatt đã chỉ rõ: “Kinh tế học Phật giáo được dựa trên giáo lý về trung đạo (...) nó bảo đảm việc tiêu thụ nhưng không liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi bản thân của người tiêu dùng. Nó chấp nhận lợi nhuận mà không chấp nhận việc thủ lợi. Lợi nhuận không chỉ được sử dụng chỉ riêng cho mục đích cá nhân. Nó được sử dụng cho việc tăng trưởng và phát

triển, để giúp đỡ người nghèo, và dành cho những mục đích từ thiện như giáo dục (...) Kinh tế học Phật giáo chú trọng đến chất lượng cuộc sống và tiêu chuẩn sống tốt, nhưng những tiêu chuẩn này được đánh giá theo chất lượng chứ không phải số lượng”¹. “Đức Phật khuyên nên tìm kiếm của cải bằng con đường hợp pháp và lương thiện. Nó nên được sử dụng một cách trí tuệ để làm những việc thiện và để dự phòng cho sự đau khổ thể chất. Một điều quan trọng là người sở hữu không nên làm nô lệ cho của cải vật chất, vì sự chấp thủ vào của cải tạo ra gánh nặng và ràng buộc”².

Đề tạo ra của cải vật chất, con người thường có hai phương thức tiến hành. Họ có thể tạo ra bằng con đường phi pháp, phi đạo đức. Đó là những hành vi tạo của cải bằng con đường ác. Nhưng cũng có thể tạo ra của cải bằng con đường thứ hai, mang bản chất thiện, bằng nỗ lực của chính mình, và mang lại an lạc cho mình và cho người.

Đối với vấn đề tiêu dùng, thái độ của Phật giáo cũng rõ ràng khi nhận định rằng: Tất cả chúng sinh đều sống còn nhờ vào thực phẩm, vì vậy, với nhu cầu này, họ phải đổi pho bằng thiện hay bất thiện. Nhận thức trình độ của nền văn minh con người qua lăng kính Phật giáo, kinh tế gia

1. S.R. Bhatt (2006). *Kinh tế học Phật giáo*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế: *Phật giáo thời hiện đại, những cơ hội và thách thức*, tr.761

2. Thích Nhật Từ (2006). *Kinh tế từ cái nhìn Phật giáo*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế: *Phật giáo thời hiện đại, những cơ hội và thách thức*, tr.784.

hiện đại Schumacher cho rằng: “Kinh tế học Phật giáo hẳn rất khác so với kinh tế học của chủ nghĩa duy vật hiện đại, bởi vì người theo Phật nhìn thực chất của nền văn minh không phải trong phép tính nhân của những nhu cầu con người, mà là trong sự tịnh hóa tính cách con người”¹

Ngược lại với kinh tế học hiện đại nghĩ rằng hoạt động kinh tế là để thỏa mãn tối đa những ham muốn, KTH.PG hướng về sự an lạc và hạnh phúc. Theo đạo Phật, việc tu tập, sự điều độ có thể làm cho người ta thoát khỏi những ham muốn vô tận và bất thiện, và sẽ đưa đến việc kiểm soát sự rắc rối do sản xuất quá mức và tiêu dùng quá độ. Như vậy, cần tu tập theo 4 nhu yếu ăn, mặc, ở và thuốc men. Sự tu tập bốn sự điều độ trên mở ra cho tất cả những ai nỗ lực vì an lạc và hạnh phúc của chính họ. Sự điều độ và hạnh phúc sẽ giúp thoát khỏi những ham muốn vô tận và bất thiện, sẽ đưa đến việc kiểm soát rắc rối do sản xuất quá mức và tiêu dùng quá độ.

Kinh điển Phật giáo cũng đề cập đến những nguy cơ đưa đến rối loạn xã hội từ sự nghèo khổ. Kinh Aggatta cho rằng sự suy đồi của con người xuất hiện vào giai đoạn có sự nghèo khổ của người dân cùng với hậu quả của sự làm biếng, tham lam, tiêu dùng không hợp pháp và chủ nghĩa cá

1. Dẫn theo Thích Nhật Từ (2006), tldd, tr.769.

nhân bắt đầu. Kinh *Chuyên Pháp Luận* vương xem sự nghèo khổ là điều kiện chính phát sinh ra những tội ác và rối loạn xã hội.

Như vậy, những giáo huấn của Đức Phật về kinh tế học theo ĐĐ. Nhật Từ có thể được lập thành công thức sau: “*Hương hạnh phúc tối đa với tài sản tối thiểu*”. nó cho thấy sự tiêu dùng thích đáng và khôn ngoan có quan hệ lớn đến phẩm chất đời sống kể cả sự tốt đẹp và đạo đức của cá nhân và xã hội¹.

Với tầm nhìn vĩ mô, HT. Thích Nhất Hạnh, hơn 30 năm trước đây đã nêu lên đặc điểm của nền kinh tế Phật giáo đồng thời cũng khẳng định vai trò của các tôn giáo trong công cuộc xây dựng xã hội Việt Nam, rằng: “Một nền kinh tế theo quan niệm Phật giáo là một nền kinh tế tự nguyện. Bất cứ một kế hoạch kinh tế nào cũng chỉ được thực hiện khi quần chúng tham dự đông đảo (...) Vai trò và năng lực đóng góp của các tôn giáo lớn tại Việt Nam là một yếu tố quyết định sự thành bại của công cuộc cách mạng xã hội tại Việt Nam”².

Như vậy, việc phát triển đường hướng kinh tế theo quan điểm Phật giáo trước hết tùy thuộc nhiều vào nhận thức và hoạt động tích cực của đại đa số tín đồ Phật tử. Yếu

1. Dẫn theo Thích Nhật Từ (2006), t.1, tr.772.

2. Thích Nhất Hạnh (1965), *Đạo Phật Hiện đại hóa*, Nxb. La Bôi, Sài Gòn, tr.182- 187.

tổ con người trong bất cứ một kế hoạch nào cũng đóng vai trò hàng đầu: “Trách nhiệm mỗi người Phật tử là tích cực học đạo, hành đạo tùy theo từng thời đại, hoàn cảnh với tính đa dạng của nền kinh tế thị trường mà tham gia tích cực đóng góp cho tự thân, gia đình và xã hội”¹. Một tu sĩ Phật giáo cũng đã đề xuất nhiệm vụ hoằng pháp trên lĩnh vực kinh tế đáp ứng cho giai đoạn mới hiện nay là: “Cần soạn ngay những bài kinh ngắn gọn dễ hiểu từ Tam tạng thánh điển để giới doanh nghiệp ứng dụng và tu tập trong mọi hoàn cảnh; Phát huy thêm nữa vai trò của sách nói và trực tuyến những buổi giảng trong tuần; Tổ chức giao lưu pháp thoại cho nhiều đối tượng”²

2. Những đóng góp của kinh tế Phật giáo vào xã hội

Ứng dụng tinh thần, đường hướng của Phật giáo đối với vấn đề kinh tế, chư tăng ni, Phật tử đã triển khai nhiều hoạt động nhằm góp phần thể hiện tính nhập thế của Phật giáo Việt Nam, cũng như kế thừa tư tưởng của tổ Bách Trượng ở Trung Quốc cho rằng: “Một ngày không làm, một ngày không ăn” (nhật nhật bất tác, nhật nhật bất thực). Từ

1. Thích Phước Đạt (2007). *Tinh năng động của Phật giáo Việt Nam trong quá trình hội nhập*. Nguyệt san Giác Ngộ số 130. tr.53.

2. Lê Thọ (2007). *Cư sĩ làm kinh tế được hay không?* Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tr.61.

những ngày thành lập hội Phật giáo, đã có Hội Phật học Kiên Tế do Thích Thiện Chiếu chủ trương, lấy chùa Tam Bảo ở Kiên Giang làm trụ sở hoạt động từ năm 1936.

Sau năm 1975, với tinh thần đẩy mạnh việc "đem đạo vào đời", khá nhiều chùa thuộc hệ phái Bắc tông, tịnh xá của hệ phái Khất sĩ đã tạo điều kiện để tự túc lương thực, đẩy mạnh hoạt động kinh tế cho nhà chùa. Qua 4 nhiệm kỳ của Giáo hội, kinh tế nhà chùa đã hoạt động trong hoàn cảnh và điều kiện còn hạn chế. Nhiều chùa đã tự túc, tạo thêm thu nhập qua việc sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc, đan lát, trồng cây ăn trái, hoặc trồng rừng theo quy mô nhỏ. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, có thể kể tên một công ty lớn là Công ty cổ phần Thiện Tài, do ban Kinh tế Tài Chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức thực hiện hoạt động gần 20 năm nay. Công ty cổ phần Thiện Tài ra đời đánh dấu tầm hoạt động mới của Ban Kinh tế Tài Chính (KTTC) nhằm khai thác thế mạnh của các tự viện trong cả nước và tìm đối tác ngoài nước. Một hội nghị mở rộng Ban KTTC Trung ương Giáo hội tại văn phòng Thành hội Phật giáo TP.HCM đề thảo luận một số vấn đề xoay quanh việc đẩy mạnh hoạt động KTTC. Hội nghị đã đề cập đến nhu cầu thiết yếu trong vấn đề này chính là con người có khả năng quản lý, óc nhạy bén nắm bắt nhu cầu thị trường, nắm chắc kỹ thuật công nghệ hiện đại và phải có tâm huyết. dịp này, đại diện Công ty cổ phần Thiện Tài cũng đưa ra nhiều yêu cầu cho một nền kinh tế Phật giáo

tương lai là làm đúng pháp luật, giữ gìn chất lượng sản phẩm, giải quyết tiêu cực phát sinh trong người thừa hành, trong sản xuất kinh doanh, lấy trí tuệ chính kiến làm đầu trong công việc.

Ni sư Thích nữ Tịnh Nghiêm, phó ban KTTC tỉnh hội Phật giáo Tiền Giang cho rằng: *“Dù Ban ra đời đã 19 năm nhưng vẫn chưa có một hoạt động kinh tế nào mang lại hiệu quả tài chính đáng kể (...) một trong những nguyên nhân là không có nhân lực, hoặc có nhưng chưa thật sự thể hiện hết năng lực vì quá e dè, chưa dám dấn thân. Từ thực tế này cho thấy, để làm kinh tế tự túc bên cạnh những chiến lược lâu dài, cần có những người thật sự có khả năng để khai thác thế mạnh của mỗi địa phương, tạo các mối quan hệ làm kinh tế lâu dài đôi bên đều có lợi chứ không trông chờ vào việc đóng... niên liễm”¹.*

Thế mạnh kinh tế cần khai thác trong Phật giáo hiện nay, theo nhiều nhà đầu tư kinh doanh chính là liên kết, đầu tư khai thác về du lịch những di tích lịch sử - văn hoá; tìm ra những mặt hàng đặc sản của mỗi vùng, đặc biệt tại Kiên Giang, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu, Cần Thơ; kết hợp với các nước giới thiệu văn hoá, kiến trúc Phật giáo Việt Nam ra nước ngoài; đồng thời hướng dẫn du khách Việt Nam viếng những thắng tích Phật giáo tại Ấn Độ, Thái Lan.

1. Xem Giác Ngộ, số 223, 6/5/2004, tr.10.

Lào, Nhật Bản, Trung Quốc; kết hợp với Ban Văn hoá để in ấn kinh sách, mở đại lý phát hành tại địa phương; Liên kết với các tự viện để sản xuất, phát hành Phật cụ, pháp khí thờ tự, thực phẩm chay; phát hiện những nhà dịch thuật để thực hiện nhiều đầu sách mới; Kết hợp với Ban Văn hoá biên soạn lịch sử những di tích, thắng tích, lập nhà nghỉ tại các chùa, và các loại hình dịch vụ văn hoá phục vụ khách du lịch; Đào tạo nghề cho tăng ni, Phật tử, khai thác các ngành nghề tại địa phương để giới thiệu với du khách, đồng thời có sản phẩm xuất khẩu; Xây dựng đài hòa táng với quy trình khép kín để bảo vệ môi trường.

Hiện nay Công ty cổ phần Thiện Tài có 24 cổ đông sáng lập, vốn điều lệ là 2,6 tỷ. Hoạt động của công ty có nhiều hình thức: liên kết sản xuất kinh doanh, đầu tư, hợp tác đầu tư, hợp tác liên doanh... Sẽ trích nộp không quá 20% về cho Ban KTTC ủng hộ vào quỹ hoạt động của Trung ương Giáo hội trước khi phân phối lợi nhuận cho cổ đông. Ban KTTC Trung ương cũng dự kiến thành lập “*Công ty tư vấn thiết kế xây dựng Phật giáo*”¹. Trong phương hướng đẩy mạnh hoạt động kinh tế tài chính Phật giáo, còn có ý kiến đề xuất đào tạo hướng dẫn viên du lịch cho tăng ni, thiết lập hệ thống nhà nghỉ cao cấp tại chùa, những vị cư trú tại những nơi có thắng tích làm trưởng ban KTTC Tỉnh hội, để có thể liên kết với các tự viện thực hiện

1. Ý kiến của TT. Thiện Tánh, phó ban Kinh Tế Tài Chính Trung ương.

nhiều tour du lịch¹. Các thành viên trong Công ty cổ phần, đồng thời cũng là những tu sĩ có trách nhiệm trong Giáo hội, đã khẳng định: “Tôi và toàn ban KTTC Trung ương đều tin tưởng với những nhân sự nhiệt tâm với các điều kiện thực tế khách quan sẵn có từ Trung ương đến các tỉnh thành và các dự án được đưa ra có thể làm được, nhất định sẽ mở ra các bước đi tuần tự và đến đích”².

Việc mở rộng hoạt động kinh tế còn nhằm giải quyết sự thiếu hụt ngân sách của Giáo hội, đã gây hạn chế việc xây dựng phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạn chế việc thực hiện những dự án tầm cỡ: phổ biến sự hiện hữu của Phật giáo qua nhiều hình thức hoạt động kinh tế: xưởng sản xuất pháp khí, thủ công mỹ nghệ, cửa hàng trai phạn, may mặc, công ty tang nghi, thương nghiệp, dịch vụ du lịch; tạo phương tiện cho Phật tử thực hiện tín ngưỡng như chuông mõ, nhang đèn, tranh tượng, kinh sách, báo chí. Đây cũng là dịp xoá bỏ sản phẩm xấu, dị đoan... xa rời với Phật giáo; cần đóng góp nhiều hơn về mặt từ thiện, công ích xã hội, đường xá, cầu cống, nhà tình thương, nhà nuôi dạy trẻ mồ côi, viện dưỡng lão; Góp phần nâng cao kinh tế quốc dân bằng những hoạt động kinh tế thiết thực; góp phần tiết kiệm trong sinh hoạt tiêu dùng của tăng ni Phật tử bằng các

1. Ý kiến của DD. Thích Minh Nhân (Kiên Giang).

2. TT. Giác Toàn, trưởng ban KTTC Trung ương Giáo hội, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiện Tài. Xem Giác Ngộ số 208-209, 29/1/2004, tr.6

mặt hàng dịch vụ giá rẻ. Mục tiêu là phục vụ tốt. Hiện các việc mua sắm đồ thờ, tang nghi... là khá tốn kém, lắm khi còn mang lại hình thức và nội dung không thuần túy chánh pháp; việc mở rộng kinh tế là khả thi vì nước nhà đang trên đà phát triển. Hoạt động kinh tế đúng hướng sẽ được Nhà nước khuyến khích; các sinh hoạt kinh tế, tiêu dùng, các nhu cầu vật chất tinh thần ngày càng gia tăng trong và ngoài nước, có liên hệ gắn bó với nhau. Đây cũng là thuận lợi tạo tính khả thi, hiệu quả cho ngành kinh tế tài chính.

Có thể tham khảo một vài hoạt động kinh tế Phật giáo cụ thể do Trung ương Giáo hội chủ trương. “Từ nhiệm kỳ I (1981-1986) Giáo hội đã thành lập Xí nghiệp 711, khai thác 21 ha rừng bạch đàn (Lâm Đồng), Trung tâm ngoại ngữ Quảng Đức, phòng Phát hành văn hóa phẩm Phật giáo... Tuy nhiên, do điều kiện khách quan, cũng như hiệu quả không khả quan của một số hoạt động nêu trên, nên đã tự giải thể, chỉ còn lại Công ty Cổ phần Thiện Tài đang hoạt động có hiệu quả bước đầu và một vài dự án khác như xây lò hỏa táng, thành lập công ty in ấn phát hành văn hóa Phật giáo...”¹.

Cũng thừa nhận rằng, do tính phong phú đa dạng của Phật giáo Việt Nam, với nhiều hệ phái, dòng phái, Phật giáo cũng có những sinh hoạt mang tính riêng biệt theo từng hệ

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2007), *Báo cáo thành quả 25 năm hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam*.

phái. Đặc biệt, ở hệ phái Bắc tông, các hoạt động triển khai gắn với đời sống xã hội có xu hướng nổi trội hơn các hệ phái Nam tông và Khất sĩ.

Phật giáo Bắc tông thực hiện chủ trương mở rộng giáo lý Phật giáo không chỉ bằng việc “tự tu, tự độ” mà còn có nghĩa vụ “giác tha” (giúp người khác hiểu đạo, ngộ đạo), nên trong chừng mực, hệ phái Bắc tông thể hiện rõ tính chất nhập thế hơn, dù rằng ngay từ trong bản thân giáo lý của đạo Phật đã mang tính chất nhập thế.

Các phương thức thể hiện quan điểm về kinh tế học Phật giáo nêu trên đã có sự tăng cường, phát triển theo thời gian, bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước. Nếu như hơn nửa thế kỷ trước đây, làm kinh tế nhà chùa chỉ xoay quanh những hoạt động sản xuất nhỏ, có tính thủ công, quy mô thuộc phạm vi một ngôi chùa, như sản xuất tương, cháo, nước tương, đậu hủ... thì hiện nay, không gian hoạt động kinh tế Phật giáo đã mở rộng phạm vi ra ngoài quốc gia. Quy mô sản xuất cũng được mở rộng, gắn liền với nhiều mạng lưới kinh doanh, có công ty cổ phần, có cổ đông, tiền vốn lên đến hàng tỷ đồng. Nội dung hoạt động cũng đa dạng, phong phú hơn với nhiều loại hình kinh doanh khác biệt. Có thể thấy, ngoài việc tham gia cứu trợ nạn nhân bị thiên tai; giúp đỡ, hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà Tình Nghĩa, nhà Tình Thương, thăm và tặng quà cho người già neo đơn, trẻ em khuyết tật, người nghèo nhân dịp Tết... giới tăng ni

Phật tử còn tự tổ chức nhiều loại hình hoạt động từ thiện phong phú như mở quán cơm chay tự chọn miễn phí vào 2 ngày rằm và mồng một hàng tháng tại chùa Viên Quang (thị xã Châu Đốc). Hầu hết các chùa Bắc tông và Nam tông tỉnh Trà Vinh đều có ruộng vườn, cây cảnh, điêu khắc, gia công may mặc, sản xuất tương chao, thực phẩm chay, nhang...

Trực tiếp tham gia vào sản xuất nông nghiệp của sư sãi các chùa Khmer thực sự rõ nét từ sau năm 1975. Trước kia, ruộng chùa Khmer đều có diện tích khá lớn, nhưng do Phật tử tham gia sản xuất, sau đó cúng gạo cho chùa. Chùa Bảy Giá (huyện Long Phú - Sóc Trăng) có 60 công ruộng; chùa Xẻo Me (huyện Vĩnh Châu - Sóc Trăng) có trên 4 mẫu. Sau năm 1975, thực hiện chính sách chia lại ruộng đất cho người nghèo, đất chùa bị giảm bớt. Hiện nay chùa Bảy Giá còn lại 32 công ruộng do sư sãi trực tiếp sản xuất. Chùa Hang (thị xã Trà Vinh) có xưởng điêu khắc Long Vinh trung bình mỗi tháng bán được 5 triệu đồng sản phẩm đủ loại, chạm khắc trên gốc cây thốt nốt và các loại cây khác. Xưởng chạm khắc cũng có lớp đào tạo nghệ nhân miễn phí, giúp công việc làm cho nhiều hộ gia đình Khmer. Ngoài việc tham gia sản xuất nông nghiệp, nhiều chùa Khmer còn tham gia vào việc nuôi cá, nuôi tôm, trồng cây lấy gỗ và ăn trái. Chùa Tà Quít (huyện Mỹ Tú - Sóc Trăng) trồng thốt nốt trên 2 công đất và trực tiếp sản xuất đường tại chùa. Chùa Sêrây Trà Sết (huyện Vĩnh Châu - Sóc Trăng) có 1.000 cây bạch đàn, 600 cây sao... Đây là những chuyên

đổi lớn trong hoạt động sản xuất của sư sãi Khmer từ sau năm 1975, do trước kia, ảnh hưởng từ giới luật Phật giáo Nguyên thủy, sư sãi không được cất giữ tiền bạc. Ý thức tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh tế nhà chùa của các sư sãi còn giúp cho các hộ gia đình Phật tử thuộc chùa có cuộc sống tương đối khá hơn.

Hệ phái Khất sĩ trước nay cũng theo nếp sinh hoạt khất thực, vì vậy việc tham gia vào hoạt động kinh tế sản xuất hầu như rất hiếm. Bộ kinh *Chơn Lý* của hệ phái cũng quy định người tu không được cất giữ tiền bạc. Tuy nhiên, với tư tưởng nhập thế, ni sư Huỳnh Liên đã đưa hoạt động của ni giới Khất sĩ gần gũi hơn với cuộc sống, đã tổ chức tại nhiều tịnh xá làm tương chao, bánh mứt... tạo nguồn kinh tế để có thể tham gia hữu hiệu vào nhiều hoạt động từ thiện-xã hội. Tịnh xá Ngọc Châu (Hội An) có ruộng canh tác 3 vụ/năm, làm tương, xe nhang, trồng rẫy...

Có thể thấy, chính từ hoạt động kinh tế tự túc của nhà chùa được đẩy mạnh từ sau năm 1975 mà các tu sĩ thuộc hệ phái Nam tông và Khất sĩ không còn đi khất thực, không nhận sự cúng dường, không còn lệ thuộc vào cư sĩ tại gia, lại có thêm kinh phí đóng góp vào các hoạt động từ thiện - xã hội. Sự chuyên hướng vào các lĩnh vực, trong đó có hoạt động kinh tế nhà chùa được đẩy mạnh, một phần còn từ chủ trương của Đảng và Nhà nước kêu gọi "Nhà chùa làm kinh tế tự túc".

3. Những đóng góp của kinh tế học Phật giáo vào sự phát triển xã hội

Hoạt động kinh tế Phật giáo, như đã trình bày trên, có tác động sâu sắc đến các lĩnh vực khác, như làm gia tăng hoạt động từ thiện - xã hội; mức tiền đóng góp dành cho những người nghèo khó được nhân lên nhiều lần, do có lợi nhuận trong kinh doanh. Đồng thời trên lĩnh vực văn hoá Phật giáo cũng theo đó được khởi sắc. Tuy nhiên, thực tế đó cũng đặt ra nhiều thách thức cho bản thân Phật giáo nói chung và riêng đối với hàng ngũ tu sĩ, tín đồ. Trong giai đoạn mở cửa, hội nhập của đất nước với khu vực và thế giới, hoạt động kinh tế của Phật giáo phát triển có nguy cơ đưa đến một lực lượng tu sĩ chuyên đi vào lĩnh vực kinh doanh, say mê với tiêu dùng và hưởng thụ, quên đi nhiệm vụ của người tu sĩ.

Một đóng góp quan trọng của tư tưởng Phật giáo có liên quan đến vấn đề kinh tế, chính là qua những giáo huấn trong Kinh, giúp thấy rõ việc thực hành hoạt động kinh tế theo đường lối trung đạo của Phật giáo sẽ giúp chuyển biến nhận thức và hành động của tín đồ. Sự điều độ và hạnh phúc sẽ giúp con người thoát khỏi những ham muốn vô tận và bất thiện; sẽ đưa đến việc kiểm soát rắc rối do sản xuất quá mức và tiêu dùng quá độ. Nếu như Kinh *Chuyển Pháp Luân vương* đã xem sự nghèo khổ là điều kiện chính phát sinh ra những tội ác và rối loạn xã hội, thì chính hành động làm

giàu hợp pháp, được trang bị bởi tư tưởng kinh tế học Phật giáo sẽ giúp xã hội bớt đi người xấu ác, làm tăng cường ổn định xã hội. Như vậy, chính sự ổn định xã hội là yếu tố quan trọng cho sự phát triển bền vững.

Chương II

Chức năng của Phật giáo đối với vấn đề xã hội

Trong quá trình phát triển, các tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, đều mang một lý thuyết và tính chung nhất, đó là tính chất cứu thế. Tuy quan niệm từng tôn giáo khi thể hiện tính này có khác nhau, nhưng tất cả đều mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đạt Lai Lạt Ma đã phát biểu rằng: “Tôn giáo có khả năng to lớn trong việc tạo lợi lạc cho nhân loại. Biết sử dụng đúng đắn, đó là một thứ công cụ hữu hiệu tuyệt vời trong việc xây dựng hạnh phúc nhân sinh. Đặc biệt, tôn giáo giữ một vai trò hướng đạo trong việc khuyến tấn loài người phát huy một cam thức trách nhiệm đối với tha nhân và một nhu cầu cần giới luật theo đạo lý”¹.

1. Đạt Lai Lạt Ma (2007). *Tôn giáo trong xã hội hiện đại*, Linh Thủy dịch. Tạp chí Văn hoá Phật giáo, số 34.

Trong những cuộc điều tra xã hội học gần đây được tiến hành ở Mỹ vào năm 2001, về từ thiện và tỷ lệ các loại hình tổ chức từ thiện khác nhau, đã chỉ ra rằng các nhóm tôn giáo là các cơ sở nhận số đóng góp lớn nhất kể cả về thời gian và tiền bạc, các hộ gia đình đóng góp tài chính cho các nhóm tôn giáo chiếm đến 45,2%¹, là tỷ lệ cao nhất so với các loại hình khác là: dịch vụ con người (27,3%), Y tế (20,8%), Giáo dục (12,6%), Môi trường (12,4%), Nghệ thuật và văn hóa (11,5%), Quốc tế (4,5%).

Eric G. Andersen cũng đã có nhận xét: “các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đã đang thực hiện rất nhiều hoạt động phúc lợi xã hội có giá trị bằng tài sản của riêng mình. Chẳng hạn, các tổ chức Phật giáo và Ki tô giáo điều hành các bệnh xá, mạng điện và trường học”².

Xuất phát từ hệ tư tưởng của đạo Phật quan niệm về con người, về vũ trụ trong đó con người sinh sống, đạo Phật đề cao lối sống thực nghiệm, đưa nội dung giáo lý siêu việt

1. Independent sector Survey (2001), Dẫn lại theo Brett G. Scharff's. 2007. *Towards a framework for understanding charitable and economic activities of churches: the U.S example*. Paper of international conference: *Religion and rule of law in Southeast Asia: Continuing the discussion*. Hanoi. 3-4 Nov 2007.

2 Eric G. Andersen (2007). *Religious organizations and social welfare: key issues in the united states*.

Paper at international conference: *Religion and rule of law in Southeast Asia: Continuing the discussion*. Hanoi. 3-4 Nov 2007.

ấy đi vào cuộc sống đời thường, dùng nó như một phương thuốc chữa lành vết thương cho những con người đang gặp nhiều nỗi đau thương mất mát, đang có quá nhiều sự sợ hãi và đau khổ... Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam trải suốt hơn 2.000 năm qua tuy có lúc được thể hiện rõ nét, có lúc chưa được làm sáng tỏ, nhưng điều quan trọng là nó vẫn liên tục phát triển từng nơi từng lúc và trở thành sợi chỉ xuyên suốt quá trình hoạt động của Phật giáo Việt Nam. Tinh thần ấy càng được củng cố trong suốt thời kỳ chống ngoại xâm, đem lại nét đặc thù riêng có của Phật giáo Việt Nam.

Về xã hội, với *chức năng liên kết xã hội*, Phật giáo thực hiện sự hợp tác, hòa hợp giữa các hệ phái, giữa tăng ni và Phật tử. Tăng cường tình hữu nghị với Phật tử và các tổ chức Phật giáo trên thế giới, tham gia xây dựng hòa bình, hạnh phúc cho nhân loại trong mục đích phụng sự dân tộc.

Ngoài ra, với *chức năng phúc lợi xã hội*, Phật giáo thực hiện tinh thần từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn trong giáo lý để giúp đỡ, hỗ trợ cho những người khốn khổ, thiếu kém trong xã hội.

1. Các phương thức tác động của Phật giáo vào lĩnh vực xã hội

Có thể nói rằng, qua kinh điển Phật giáo, nội dung giáo lý Phật giáo, những quan niệm đã được Đức Phật đề cập như tư tưởng về *trung đạo*, phép *Lục hòa* trong môi

trường sống tu của người xuất gia; tinh thần *Lục độ* (bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ)... đã thể hiện được chức năng liên kết xã hội của Phật giáo. Với tư tưởng sống hài hòa cùng mọi người sẽ giúp nhiều người loại trừ được sự ganh đua, lòng sân hận. Cuộc sống đi theo trung đạo là biết giữ mình, giữ tâm thức không đi lệch về một cực nào, không sống buông thả thái quá mà cũng không để cho thiếu thốn quá; không giàu có quá mà cũng không để nghèo đói quá. Đó là một phương cách sống giúp mỗi người tạo được sự bình an cho tâm, từ đó xã hội có được sự an bình, ổn định. Như vậy, với những đường hướng đề ra, Đức Phật đã tạo ra một sự liên kết những thành viên trong xã hội một cách chặt chẽ. Mỗi thành viên đều thực hành một lối sống có điều độ, biết thương yêu và tha thứ cho nhau. Sự hợp tác, tinh thần hòa hợp này còn được cụ thể ra trong 6 phép sống hòa hợp, gọi là lục hòa¹ sẽ tạo nên sự hòa hợp giữa các hệ phái với nhau, giữa tăng ni và Phật tử, giữa nhiều nhóm người trong xã hội...

Như vậy, chính phương thức tác động vào xã hội thông qua chức năng liên kết xã hội này giúp xã hội ổn định và phát triển bền vững.

1. Gọi đầy đủ là Lục hòa kinh, là 6 niềm hòa đồng ái kính của các sư, gồm: giới hòa đồng tu; kiến hòa đồng giải; lợi hòa đồng quân; thân hòa đồng trụ; khẩu hòa vô tranh; ý hoà đồng duyệt.

Kinh “*Khuyến phát bồ đề tâm văn*”, “*Diệu Pháp Liên Hoa*” kinh... của Phật giáo đều có đề cập đến tinh thần “vô ngã, vị tha” (vì người, không thấy bản ngã mình là trên hết), nghĩ đến cộng đồng quanh mình, đang cần sự giúp đỡ từ lòng nhân ái của mỗi người. Phẩm “*Phô Hiền bồ tát khuyến phát*” trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* ghi rằng:

“*Phật bảo Phô Hiền bồ tát rằng: “Nếu thiện nam tử, thiện nữ nơn thành tựu bốn pháp, thời sau khi Như Lai diệt độ sẽ đặng kinh Pháp Hoa này: một là được các đức Phật hộ niệm, hai là trồng các cội công đức, ba là vào trong chánh định, bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh”*”¹. Ngoài ra, giáo lý Phật giáo cũng quan niệm con người cần có lòng từ, bi, hi, xả (Tứ vô lượng tâm), đây là nhân tố chủ yếu giúp phát triển tâm từ bi, hạnh cứu khổ, đưa đến việc định hướng cho mọi hoạt động của Phật giáo cho con người và vì con người.

2. Những đóng góp của hoạt động từ thiện - xã hội Phật giáo vào xã hội

Phật giáo là tôn giáo có số lượng tín đồ và cơ sở thờ tự khá lớn. Theo số liệu thống kê năm 2006 cho biết có 13.775 ngôi chùa, tịnh thất, tịnh xá; 39.371 tăng ni, trong đó

1. Kinh Diệu pháp Liên Hoa. Âm-Nghĩa (1970). Thích Trí Tịnh dịch, Sen Vàng tái bản, tr.599-601.

tu sĩ thuộc hệ phái Bắc tông lên đến 28.598 tăng ni¹. Đây chính là lực lượng nhân sự cũng như cơ sở vững chắc tạo điều kiện cho Phật giáo có thể tiến hành tốt hoạt động từ thiện - xã hội thông qua đông đảo tín đồ. Cần nhận thức rằng, trong 3 hệ phái Phật giáo ở Việt Nam bao gồm Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ, không phải chỉ có hệ phái Bắc tông mới thực hiện các hoạt động từ thiện - xã hội. Mỗi hệ phái đều có những hoạt động theo quan niệm riêng của mình. Tuy nhiên, do hệ phái Bắc tông chủ trương đây là hệ phái không chỉ lo việc “tự tu, tự độ” mà còn có trách nhiệm “tự giác, giác tha” nữa, vì vậy, một tu sĩ thuộc hệ phái Bắc tông, ngoài việc thọ Tỳ Kheo giới (250 giới) còn thọ thêm Bồ tát giới. Chính nhận thức và hành động này giúp những người thọ giới Bồ tát ý thức hơn nữa về trách nhiệm nghĩ đến và chăm lo cho mọi người.

Ngày nay, trước xu thế mới của lịch sử dân tộc, tinh thần nhập thế này của các tu sĩ càng có điều kiện được làm sống lại, khơi gợi và nhân rộng ra hơn, để tinh thần ấy có thể đến với từng người mê mō đạo Phật, sử dụng nó như một phương tiện làm phát khởi trí huệ, mang lại an lạc cho mình và cho người.

Thành tựu của tinh thần này được biểu hiện nhiều về, dưới nhiều góc độ khác nhau. Có thể thấy điều này trên

1. Báo cáo thành quả 25 năm hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2006), tr.4.

thành quả của hàng trăm phòng phát thuốc, hàng chục Tuệ Tĩnh đường, các lớp học Tình Thương, trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật, trung tâm tư vấn, giúp đỡ người bị HIV/AIDS; nhà ở cho người có công với nước, Quỹ Khuyến học cho những trẻ em nghèo hiếu học, chăm lo cho người già neo đơn, những trẻ mồ côi không người nuôi dưỡng.

Một vài con số về hoạt động từ thiện - xã hội (TT-XH) trong cả nước cho biết: Về việc xây dựng một mạng lưới chữa và hốt thuốc miễn phí cho người nghèo, Phật giáo đã có được 25 Tuệ Tĩnh đường, 655 phòng thuốc Chẩn trị Y học Dân tộc, khám và phát thuốc trị giá 23 tỷ đồng¹. Hiện vẫn đang còn tiếp tục mở rộng mạng lưới ra cả nước. Hiện đã có 165 lớp học Tình Thương và 16 cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú, nhà nuôi trẻ mồ côi, khuyết tật. Cả nước hiện có 6.467 em theo học các lớp này.

Có thể tham khảo thêm một vài con số ở các tỉnh, thành trong cả nước về những hoạt động này. Như tại tỉnh An Giang, tổng cộng công tác từ thiện - xã hội khoá III (2002-2007) của ban Trị sự Phật giáo Tỉnh đạt được là 9.244.174.000 đồng; cất nhà Tình Thương 192 căn; sửa chữa nhà Tình Thương 25 căn; đào giếng 13 cái; bắc cầu 03

1. Báo cáo thành quả 25 năm hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2006), tr. 12.

cây; bốc thuốc hàng ngàn thang cho đồng bào nghèo¹.

Trong 5 năm qua, ban Trị sự Phật giáo tỉnh Trà Vinh đã thu nhận từ đóng góp của tăng ni, Phật tử, mạnh thường quân số tiền là 12.373.731.000 đồng. Một số mặt hoạt động khác như phát áo quan cho dân nghèo; đóng tặng giếng nước sạch; xây dựng cầu giao thông nông thôn; cất tặng trường Tình Thương; mở lớp học Tình Thương; cất nhà Tình Thương; ủng hộ nhà Tình nghĩa; khám phát thuốc miễn phí cho bệnh nhân nghèo, phát cơm cháo trong bệnh viện, ủng hộ quỹ học bổng giúp trẻ em nghèo hiếu học; phát quà Phật Đản; quà Vu Lan; quà Trung Thu; quà Tết cho dân nghèo; mổ mắt miễn phí; cứu trợ bão lụt; tráng đường bê tông; xây lò thiêu; ủng hộ ma chay nghèo; thành lập nhà dưỡng lão thu nhận 54 cụ ông, cụ bà neo đơn...²

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài số tiền mặt đóng góp từ thiện trong nhiệm kỳ VI là 215.657.420.000 đồng, còn 4 lĩnh vực khác được triển khai có kết quả, đó là công tác Tuệ Tĩnh Đường; lập trường nuôi dạy trẻ em mồ côi; mở lớp học Tình Thương; Tham gia chương trình phòng chống HIV/AIDS. Với số lượng 328.539 thang thuốc đã hốt; khám cho 110.000 bệnh nhân trong 5 năm qua đã nói lên việc cứu

1. Báo cáo Tổng kết hoạt động Phật sự của ban Trị sự Phật giáo Tỉnh An Giang khóa III (nhiệm kỳ 2002-2007).

2. Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự nhiệm kỳ III (2002-2007) và phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ IV (2007-2012) của Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Trà Vinh, tr.18.

chữa và giúp đỡ cho người nghèo tại thành phố là một hoạt động góp phần làm tăng cường sức khỏe cho cộng đồng; giảm thiểu sự lo âu, phiền muộn từ bệnh tật. Điều này cũng tạo điều kiện cho xã hội ổn định, phát triển. Ngoài ra, Thành hội Phật giáo cũng thành lập khá nhiều trường nuôi dạy trẻ mồ côi nổi tiếng như tại chùa Long Hoa (Q.7) 100 em; Diệu Giác (Q.2) 100 em; Kỳ Quang 2 (Q.Gò Vấp) 120 em; Huỳnh Kim (Q.Gò Vấp) 230 em; Pháp Võ (huyện Nhà Bè) 160 em. Hai cơ sở chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS đã được thành lập tại chùa Kỳ Quang 2 (Q.Gò Vấp) và chùa Diệu Giác (Q.2) với sự giúp đỡ của cơ quan UNICEF tại Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Có thể so sánh hoạt động TT-XH của Phật giáo TP.HCM với các vùng khác trong cả nước qua bảng tổng kết dưới đây:

Bảng đóng góp vào quỹ từ thiện - xã hội của Ban TT-XH Phật giáo TP.HCM so với Nam Bộ và Trung ương trong năm 2005

| Khu vực | Tổng tiền mặt | Tổng Ngoại tệ: | Tỷ lệ % VNĐ |
|--------------------|------------------|----------------|----------------|
| TT - XH Trung ương | 114.857.825.000đ | 17.410 USD | 100% |
| TT - XH TP.HCM | 47.326.821.000 đ | 13.770 USD | 42% |
| TT - XH Nam Bộ | 90.011.771.000 đ | 13.770 USD | 79% |

Nguồn: Tổng hợp các báo cáo tổng kết năm 2005 của Ban TT-XH TU và các Tỉnh Thành hội Phật giáo. Ban tin Hội nghị kỳ IV khóa V, Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Bảng tổng hợp mức đóng góp vào quỹ Từ thiện - xã hội của Ban TT-XH Phật giáo TP.HCM so với Nam Bộ và Trung ương trong năm 2005 nêu trên cho thấy tỷ lệ đóng góp của ban TT-XH thành phố đã chiếm gần phân nửa hoạt động của cả nước (42%).

Song song với những thuận lợi có tính nội tại của Phật giáo Việt Nam, đạo Phật lại được sự hỗ trợ, hưởng ứng của chính quyền. Những người lãnh đạo ý thức rõ rằng Phật giáo gắn với dân tộc, đạo Phật đã góp phần cùng chính quyền mang lại niềm an lạc cho người dân, với phương châm vì Đạo Pháp và vì Dân tộc. Để tạo điều kiện cho hoạt động TT-XH được duy trì tiếp tục và phát triển bền vững, nhiều lớp đào tạo nguồn nhân lực cũng như phương pháp tổ chức đã được triển khai. Các khoá đào tạo như *Khoá Đào tạo công tác xã hội* tại Học viện Phật giáo Việt Nam khai giảng vào ngày 6/6/2007 do Ban TT-XH Trung ương, trường Đại học Mở - Bán công, và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM phối hợp tổ chức; Khóa đào tạo 120 tăng ni trẻ tại các tỉnh có tâm nguyện phục vụ vùng sâu, vùng xa trong thời gian 4 tháng với 480 tiết học, do giảng viên Đại học Mở, Học viện Phật giáo Việt Nam nhằm bồi dưỡng kiến thức xã hội và kỹ năng giao tiếp, quan hệ cộng đồng, thống kê, điều tra xã hội học... đáp ứng các mục tiêu hoạt động xã hội, đặc biệt là công tác TT-XH các tỉnh. Trước đó, vào năm 1998 Ban TT-XH Trung ương cũng đã kết hợp với Đại học Mở - Bán Công tổ chức khoá đào tạo công tác xã

hội cho 142 học viên tăng, ni. Phật tử; Tổ chức khóa tu mùa hè dành cho giới trẻ từ 13 tuổi đến 30 tuổi không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo, tại chùa Hoằng Pháp (huyện Hóc Môn, TP.HCM) nhằm xây dựng, kết nối truyền thông, đạo đức giữa con cái với cha mẹ và gia đình, tư vấn tháo gỡ những khúc mắc về tâm lý trong đời sống... để giới trẻ có thể nhận chân được vấn đề một cách có tuệ giác...

Đối với hệ phái Nam tông, phương pháp tu tập chú trọng giữ gìn giới luật và hành thiền. Tuy vậy, hệ phái này cũng có nhiều hoạt động đóng góp vào xã hội như tại Huế, Thượng tọa Tuệ Tâm, phụ trách Tuệ Tĩnh đường Diệu Đế đã phát thuốc và giúp đỡ người neo đơn, già yếu... ở địa phương. Những đợt thiên tai, bão lụt, các Thượng tọa Viên Minh, Giới Đức, Pháp Tông đã kêu gọi Phật tử trong và ngoài nước cứu trợ kịp thời cho những gia đình gặp thiên tai. Năm 1979, khi nạn diệt chủng Khmer Đỏ tàn sát nhiều sư sãi và bắt hoàn tục. Nhà nước và Ban Tôn giáo Việt Nam cử phái đoàn Tăng già Việt Nam, theo lời mời của Ban Tôn giáo và Chính phủ Campuchia, đã phục hồi tăng tướng cho sư sãi Campuchia. Mặc dù đây là nghi thức tôn giáo nhưng có ảnh hưởng lớn vào xã hội¹.

1. Thiện Minh Nguyễn Văn Sáu. *Phật giáo Nam tông xứ Huế*. Ban thảo, tr 41-42.

Hệ phái Khất sĩ, với đường hướng tu tập theo hạnh “Tri bình, khất thực”¹ nhưng tại cơ sở Trung ương của hệ phái cũng đã thành lập được Tuệ Tĩnh đường, đã khám cho 263.940 người bệnh, hốt 97.940 thang thuốc, trị giá gần 1 tỷ đồng². Tại Đà Nẵng, ni giới Khất sĩ đã thích ứng với hoàn cảnh địa lý, khí hậu nơi đây để đẩy mạnh việc cứu trợ nạn nhân bị thiên tai lụt lội tại nhiều địa phương như Hiếu Nhơn, Trà Mi, Duy Xuyên, Đại Lộc, Quế Sơn... Các ni cô thuộc tịnh xá Ngọc Châu cũng đã thường xuyên tiến hành nhiều đợt ủy lạo ở các trại mồ côi CAHORS (Hội An) Trung tâm xã hội Hội An, bệnh viện Tâm thần Hòa Khánh Đà Nẵng³. Tịnh xá Ngọc Phương, trung tâm của Ni giới Khất sĩ, được ni sư Huỳnh Liên xây dựng từ năm 1958, đã trở thành đầu mối cho các phong trào đấu tranh chống xâm lược, đồng thời cũng là nơi chỉ đạo, tổ chức nhiều hoạt động từ thiện - xã hội như mở trường dạy học từ thiện, lập cô nhi viện... Tinh thần ấy cho đến nay vẫn được hàng trăm ni chúng thuộc hệ phái Khất sĩ kế thừa, thực hiện và phát huy.

1. Ôm bình bát đi khất thực từ sáng sớm đến giữa trưa để tạo điều kiện cho mọi người học tập hạnh bồ thí.

2. Báo cáo Tổng kết Công tác Phật sự nhiệm kỳ VI (2002-2007) và phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2007-2012) của Thành hội Phật giáo TP.HCM, tr.22.

3. Hệ phái Ni giới Khất sĩ Việt Nam (2002), Tịnh xá Ngọc Châu. Ngày ấy bây giờ, Nxb Đà Nẵng, tr.111-112.

3. Những đóng góp của hoạt động từ thiện - xã hội Phật giáo vào sự phát triển xã hội

Từ những cứ liệu và số liệu trên cho thấy một thực tế không phủ nhận được, đó là khả năng và sức đóng góp vào hoạt động TT - XH của Phật giáo là rất lớn. Sức đóng góp này không chỉ dành riêng cho tín đồ, cho đồng đạo của mình, mà còn được mở rộng ra đối với toàn bộ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trong cả nước, đang cần sự giúp đỡ. Hoạt động TT - XH Phật giáo đã góp phần giải quyết những khó khăn trong xã hội trên nhiều lĩnh vực: đời sống, việc làm, giáo dục, y tế... Nhìn chung hoạt động TT - XH Phật giáo đã góp phần lớn vào việc an sinh xã hội. Mặt khác, vượt trên những công việc cụ thể đó còn là sự an ủi lớn lao về tinh thần, giúp những người bất hạnh vơi bớt nỗi khổ đau, bi quan, buồn chán, thất vọng; làm cho những người bất hạnh tăng thêm niềm phấn khởi và tự tin trong cuộc sống, đưa họ hướng về tương lai tốt đẹp hơn. Có thể nhận thấy rõ hơn hiệu quả của hoạt động này khi so sánh thành tựu của hoạt động TT - XH qua 5 nhiệm kỳ đại hội (có tất cả 6 nhiệm kỳ, nhưng nhiệm kỳ I (1981-1987) không thấy có báo cáo) tại TP.HCM như sau:

Bảng so sánh kết quả đóng góp TT - XH của Phật giáo TP.HCM qua các nhiệm kỳ Đại hội Phật giáo TP.HCM

| Các nhiệm kỳ | Tổng số tiền mặt đóng góp (đồng) | Tổng số vật phẩm đóng góp |
|--------------|----------------------------------|---|
| 1987 - 1990 | 181.448.652 | 365 áo quan; 23.020 kg gạo; 1.000kg muối; 1.190 bộ quần áo; 308 lít dầu lửa; ủng hộ cầu; đóng giếng nước ngọt, xây dựng 2 trường học; 1 tivi màu cho bệnh viện... |
| 1990 - 1993 | 5.406.670.000 | 420.664 kg gạo, thuốc men, quần áo, 943 áo quan, 6 nhà tình nghĩa, 3kg 2 chi vàng |
| 1993 - 1997 | 31.083.842.089 | 921.051 kg gạo, 1.360 áo quan, 18 căn nhà tình nghĩa, 80 xuồng, 50 tấn thuốc men, phẩm vật khác. |
| 1997 - 2002 | 178.227.698.300 | (Không thấy đề cập trong báo cáo nhiệm kỳ) |
| 2002 - 2007 | 215.657.420.000 | Gạo: 1.733.030kg; mô mắt: 15.072 ca; xe lăn: 545 xe Xe lắc: 143 xe; đúc cầu: 58 cây; đào giếng: 176 giếng Áo quan: 179 áo; nhà tình nghĩa: 14 căn; nhà tình thương: 816 căn; Trường học: 02 trường; lớp học: 12 phòng lớp Đắp đường: 12 km |

Nguồn: Tổng hợp các Báo cáo Tổng kết Công tác các nhiệm kỳ II, III, IV, V và VI của Thành hội Phật giáo TP.HCM (Nhiệm kỳ I không thấy có báo cáo)

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

Bảng so sánh kết quả đóng góp TT - XH của Phật giáo TP.HCM qua các nhiệm kỳ Đại hội trên cho thấy: Tình hình quyên góp có tăng nhanh về tiền mặt và vật phẩm. Tỷ lệ tăng gấp 6 lần ở nhiệm kỳ IV so với nhiệm kỳ III; gấp hơn 1.000 lần ở nhiệm kỳ VI so với nhiệm kỳ II. Trong nhiệm kỳ V, tuy hoạt động cứu trợ có hỗ trợ phần vật phẩm, ngoài số tiền mặt, nhưng không thấy nêu trong báo cáo.

Tuệ Tĩnh đường Pháp Hoa, trung tâm chữa bệnh miễn phí lớn nhất của Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, trong 5 năm đã khám cho 128.890 bệnh nhân, châm cứu cho 24.225 lượt người, hốt 338.670 thang thuốc Bắc, phát 12.182 thuốc tễ, 24.032 thuốc gói và 2.839.905 chai dầu gió. Ban Từ thiện-xã hội của báo Giác Ngộ, mỗi năm số tiền vận động được lên đến trên 1 tỷ¹. Ngoài đóng góp của Phật tử trong nước, quỹ từ thiện còn nhận được từ Việt kiều. Chi hội Phật giáo thuộc ban Bảo trợ bệnh nhân nghèo, chỉ trong một đại lễ giới đàn tổ chức vào tháng 12-1998 đã thu được 1,7 tỷ. Toàn bộ số tiền này được sử dụng cho việc giải phẫu trẻ em khuyết tật, dị dạng, hàm ếch... và cho việc chữa bệnh miễn phí ở bệnh viện An Bình.

Ngoài những mặt mạnh, phong phú trong hoạt động, có thể nhận thấy hạn chế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay là vẫn chưa có điều kiện để thiết lập thêm nhiều

1. Phỏng vấn TT. Thích Tôn Thật, ngày 13-11-1998. Người phỏng vấn: Trần Hồng Liên.

hoạt động đa dạng, đáp ứng nhanh những yêu cầu do thời đại đặt ra như trong các tổ chức Công giáo đã làm. Trên lĩnh vực này, Công giáo đã có được khá nhiều cơ sở dành cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; lưu xá sinh viên; cơ sở nghiên cứu, tư vấn, và hoạt động Công tác xã hội...¹. Với các cơ sở này, Công giáo đã có thành lập "Nhóm hạn người phong Sài Gòn" nhằm mục tiêu "thăm viếng, cứu trợ, đào giềng, xây nhà tình thương, chăm nuôi và tìm tiền học bổng cho con em của người bệnh phong, ưu tiên người bệnh phong dân tộc"; hay "Cộng đoàn Mai Linh" giúp chăm sóc toàn diện về y tế, tinh thần và tâm linh cho những người nhiễm HIV/AIDS. Đối với những người ở giai đoạn cuối của AIDS, các nhân viên giúp họ hòa nhập với gia đình, nâng đỡ tinh thần và tâm linh nếu họ có nhu cầu để ra đi bình an". Hay "Mái ấm Mai Linh" giúp đỡ các thiếu nữ có thai ngoài ý muốn, đón các em với sự thông cảm, giúp các em ổn định tâm lý và tinh thần, chuẩn bị để hòa nhập xã hội...

Một hạn chế nữa là, đối với Phật giáo, chúng ta vẫn chưa thấy được một hệ thống tổ chức các hoạt động TT-XH trên một cách chặt chẽ. Phật giáo, trên nhiều lĩnh vực, từ ý thức nhập đạo, quy y tam bảo hay tham gia vào các lĩnh vực, đều đặt trên tinh thần tự nguyện là chính. Vì vậy, trong

1. Xem thêm *Danh bạ các hoạt động xã hội của người Công giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh* 2006. Phòng Phát triển xã hội Nhà thờ Chính Tòa Đức Bà.

giai đoạn mới của đất nước, giai đoạn hội nhập khu vực và thế giới càng cần thiết tăng cường ý thức tổ chức chặt chẽ. Cơ sở TT-XH cũng cần có văn phòng, có mục đích, đường hướng hoạt động cụ thể, có danh bạ, sách, tập bướm giới thiệu... để giúp mở rộng hoạt động, liên kết về kinh nghiệm và hoạt động với các tôn giáo khác, đặc biệt là với Công giáo và đặt quan hệ với các tổ chức từ thiện thế giới. Có vậy, Phật giáo mới có thể phát huy hết nội lực của mình trong việc thực hiện đường hướng theo tinh thần giáo lý đã đề ra. Ý thức được những hạn chế này, trong buổi lễ tổng kết 25 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, phó ban Từ thiện - xã hội trung ương đã phát biểu: *"Ban Từ thiện - xã hội trung ương có những ý tưởng cần phải tổ chức lại, bổ sung phương thức hoạt động sâu cho sâu hơn, mang lại hiệu quả cao hơn, thích hợp với những đối tượng nghèo khó, bệnh tật hoặc những đối tượng vướng vào tệ nạn xã hội"*¹.

1. Thích nữ Huệ Từ (2001). *Hoạt động từ thiện-xã hội phải được chuyên môn hóa*. Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 20 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nxb Tôn giáo, tr.40.

Chương III

Chức năng của Phật giáo đối với văn đề văn hóa

Về văn hóa, đạo Phật góp phần tạo lập và duy trì bản sắc văn hóa nhóm và cá thể; đẩy mạnh tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam trong lịch sử, đưa tinh thần ấy vào nhiều lĩnh vực trong xã hội để góp phần thực hiện có hiệu quả việc phát triển xã hội.

1. Các phương thức tác động của Phật giáo vào lĩnh vực văn hóa

Trong các kinh điển Phật giáo vẫn thường ghi rằng: Vì hạnh phúc và an lạc cho con người mà Đức Phật thị hiện trên đời. Như vậy, mục tiêu tối thượng của Phật giáo khi ra đời là để làm cho thế giới vạn loài được sống trong hòa bình, hạnh phúc. Lấy con người làm trung tâm và đặt con người ở vị thế chủ thể của mọi quan hệ xã hội, Phật giáo cũng khẳng định rằng chỉ có con người và chính con người

mới tự gánh lấy những nghiệp quả do chính hành động của mình gây ra. Như vậy, chính Phật giáo đã khẳng định giá trị con người. Với tinh thần vị tha, từ bi, cứu khổ, giáo lý Phật giáo đã đề cao sự bình đẳng, tình yêu thương, và chính giáo lý ấy đã trở thành sợi dây liên kết con người vì mục tiêu chung là xây dựng một cuộc sống hòa bình, an lạc.

Với tinh thần phát huy *nền văn hóa nhân bản, đạo đức và dân tộc* của Phật giáo Việt Nam, giáo hội đã thực hiện một số mặt công tác về văn hóa trong các lĩnh vực báo chí, in ấn, trùng tu, văn nghệ... để chuyên tải nền văn hoá ấy đến với tín đồ. Nếu như trong những ngày đầu thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cả nước chỉ có một tờ báo Giác Ngộ, cơ quan ngôn luận của giới Phật giáo, thì nay ngoài tuần báo Giác Ngộ, còn có bán nguyệt san Văn hóa Phật giáo, nguyệt san Giác Ngộ, tạp chí Nghiên cứu Phật học, tập văn Phật giáo Nguyên Thủy...

Trên phương diện đạo đức Phật giáo, với sự nhân mạnh hai hạnh Từ (metta) và Bi (Karuna) có thể mang lại sự cống hiến lớn lao cho văn hóa dân tộc và nhân loại. Đó là biểu hiện của một tình thương bao la, không vị kỷ, không giới hạn và hoàn toàn vị tha. Còn có thể thấy phương thức tác động của Phật giáo vào lĩnh vực văn hóa trên phương diện đạo đức được mở rộng hơn qua quan niệm từ bi của đạo Phật không chỉ hạn chế trong loài người mà mở rộng đến khắp loài vật và cây cỏ. Chủ trương cần có thái độ bất

hại với động vật và thực vật trong Phật giáo, chính là góp phần bảo vệ môi trường sống của con người, đem lại một lối sống có văn hóa cho mình và cho người. Bất hại ở đây không có nghĩa là không đụng chạm tới, mà có nghĩa là không tàn hại và phá hủy.

Với quan niệm tham, sân, si là tam độc, có từ trong nội tâm của con người, nó chính là cội rễ của tất cả mọi tệ nạn xã hội: chiến tranh, bạo hành, xung đột, mâu thuẫn... chính vì vậy, *phương thức tác động của Phật giáo vào lĩnh vực văn hóa chính là cần thiết tạo điều kiện để biến đổi nội tâm con người.* “Biến đổi ngoại cảnh xã hội, mà không biến đổi nội tâm, thì biến đổi ngoại cảnh chỉ là hình thức và không thể lâu bền!”¹.

Nhằm mang lại một cuộc sống tốt đẹp, Phật giáo chú trọng đến với thiên nhiên, đồng loại, mọi người cần có thái độ biết sống hài hòa, có đạo đức và trí tuệ.

2. Những đóng góp của văn hóa Phật giáo vào xã hội

Là tôn giáo có mặt sớm ở Việt Nam, Phật giáo từ khi du nhập đã thể hiện tính chất tùy thuận theo vùng đất, theo dân tộc mà phát huy đặc điểm của mình. Do vậy, cũng có thể nói rằng, quá trình Phật giáo phát triển ở Việt Nam cũng

1. Nhiều tác giả (1995), *Đạo đức học Phật giáo*. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.7.

là quá trình Phật giáo thể hiện sự hội nhập của mình vào văn hóa Việt Nam, góp phần vào việc xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Đó là một nền văn hóa, trong đó con người, đạo đức, lối sống, phong tục tập quán, ca dao, tục ngữ đều bàng bạc dấu ấn Phật giáo.

2.1. Trên lĩnh vực đạo đức Phật giáo

Nói đến Phật giáo, nhiều người - từ dân dã đến trí thức - đều nghĩ ngay đến quan niệm về *Từ bi, Cứu khổ, Cứu nạn* trong Phật giáo. Giáo thuyết Phật giáo còn khuyên nhủ mọi người hãy nên làm điều thiện, tránh điều ác (*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*). Kinh điển Phật giáo - *kinh Thập thiện* - còn đề ra 10 điều thiện cần làm. Đối với một Phật tử vừa qui y đã thấm nhuần 5 giới cấm của đạo: không trộm cắp, không sát sinh, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Ngay từ những ngày đầu khai sáng ra đạo Phật, Đức Thích Ca Mâu Ni đã nhìn thấy được những hạn chế trong Bà La Môn giáo về sự phân chia đẳng cấp trong xã hội. Đức Phật đã nêu lên chủ trương về sự bình đẳng: "*Không có sự khác biệt nào trong dòng máu cùng đỏ, trong giọt nước mắt cùng mặn*", hoặc câu nói: "*Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành*". Chủ trương không giết hại muôn loài chính là phát sinh từ lòng từ bi, đồng thời phát huy được lòng nhân ái nơi mỗi người, biết tôn trọng sinh mệnh và quyền sống của muôn loài trên quả đất này. Từ đó, mỗi

người theo đạo còn được khuyên nhủ thực hành 4 ân lớn: *ân tô tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bao, ân đồng bào nhân loại*. Thực hiện 4 ân ấy là làm tròn nhiệm vụ, bổn phận của một con người có đạo đức. *Kinh tạng* (sutra pitaka) và *Luật tạng* (Vinaya pitaka) đặc biệt đề cập đến những lời dạy của Đức Phật và những giới luật các tu sĩ phải tuân thủ để giữ gìn oai nghi, phẩm hạnh của một tỳ kheo, cũng là thể hiện đạo đức Phật giáo trong cuộc sống.

Ngoài ra, theo quan niệm của Phật giáo, lòng từ bi ở đây không chỉ đối với con người mà cả muôn loài, trong đó có thực vật, là môi trường thiên nhiên, cây xanh, rừng nguyên sinh... *Đạo đức học môi trường* (Environmental ethics) là môn học xuất hiện gần đây tại các nước Âu Mỹ, cũng là môn học đề cập đến việc bảo vệ môi sinh, như tinh thần Phật Thích Ca đã đề cập hơn hai ngàn năm nay. Tôn trọng môi trường, không tàn hại phá rừng, chính là góp phần lớn vào việc tạo cân bằng sinh thái, góp vào việc bảo đảm cuộc sống bền vững cho con người.

Cụ thể hóa một số bổn phận và nghĩa vụ cần có giữa cha mẹ và con cái, giữa thầy và trò, giữa con cái đối với cha mẹ, trò đối với thầy, chồng đối với vợ... cũng đã được đề cập trong *Trường hộ kinh* (Digha nikaya). Có 5 bổn phận của cha mẹ đối với con cái: *ngăn chặn con không làm ác; khuyến khích con làm điều thiện; dạy cho con có nghề nghiệp; cưới vợ xứng đáng cho con; để lại gia tài cho*

con... Hoặc 5 bổn phận của vợ đối với chồng: làm tròn bổn phận của mình đối với chồng, khéo đón tiếp bà con của chồng; trung trinh với chồng; khéo giữ gìn tài sản cho chồng; làm khéo và nhanh nhẹn mọi công việc trong nhà”¹.

Những nét lớn trong đạo đức Phật giáo chính là kêu gọi tình thương giữa người và người, cụ thể nhất và gần gũi nhất là cha mẹ, anh chị em, chồng vợ, con cái... và mở rộng ra là đối với đồng loại, muôn loài. Tình thương và lòng nhân ái sẽ giúp con người từ bỏ dần tính ích kỷ, từ bỏ lòng tham lam, sự sân hận, và từ đó cũng diệt trừ được tam độc (tham, sân, si) mà theo đạo Phật chính là cội rễ nảy sinh sự xung đột, chiến tranh, bạo hành... trong xã hội.

Lòng vị tha, hiếu thảo với cha mẹ, tổ tiên được thể hiện qua lễ Vu Lan báo hiếu, báo ân hàng năm, chính là dịp để con cái có điều kiện thực hành và báo hiếu cho cha mẹ, ông bà. Từ nhận thức không muốn cho cha mẹ, ông bà phiền não, người con sẽ biết sống tốt hơn. Những hành động hút xách, bạo loạn, xung đột ngoài đường phố từ đó sẽ không có điều kiện thực hiện đối với những Phật tử chân chính đã tham dự vào các tổ chức đoàn thể Phật giáo như Gia đình Phật tử, đã và đang được triển khai mở rộng mạng lưới hoạt động khắp các chùa chiền, tự viện trong cả nước.

1. Trường Bộ kinh, tập 4, tr. 181-192.

Như vậy, trong Phật giáo “ta thấy một hệ thống đạo đức toàn diện và một lý thuyết siêu hình siêu việt bao gồm một tâm lý cao thượng. Nó thích hợp cho mọi tầng lớp. Với những người bình dị, nó cung cấp một quy tắc luân lý, một sự thờ phượng đẹp đẽ, và một niềm hy vọng một cuộc sống tại thiên đường; với những người nhiệt tình sùng đạo, nó là một hệ thống tư tưởng trong sạch, một triết lý cao thượng, và những lời giáo huấn về đạo đức đưa đến giác ngộ, giải thoát khỏi khổ đau”¹.

2.2. Trên lĩnh vực xây dựng, phát triển và bảo vệ tổ quốc

Nếu như từ khi du nhập vào Việt Nam, suốt quá trình phát triển, Phật giáo đã góp phần đào tạo một tầng lớp trí thức mang tư tưởng yêu nước, ủng hộ cho nền độc lập của dân tộc thì hiện nay, Phật giáo vẫn tiếp tục với nhiệm vụ này và ngày càng có nhiều danh tăng, Phật tử có cống hiến trên mọi lĩnh vực vào đời sống xã hội đương đại.

Thực hiện phương châm hành động của Giáo hội “Đạo pháp-Dân tộc-Chủ nghĩa xã hội”, tăng ni, Phật tử với nhiều hệ phái, giáo phái, dòng phái khác nhau đã đoàn kết thành một khối, cùng thực hiện nhiều phong trào ích nước, lợi dân, bảo vệ tổ quốc, xây dựng nếp sống văn hoá - văn

1. K.Sri Dhammananda (1995), *Đạo Phật và đời sống hiện đại*, Thích Tâm Quang dịch từ *Buddhism and present life*, Tu sách Phật học song ngữ Anh-Việt, tr 98-99.

minh trên địa bàn dân cư. Nhiều ngôi chùa Khmer ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là Trà Vinh đã hưởng ứng phong trào xây dựng, thực hiện để trở thành “cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng văn minh” theo *Quy ước chùa văn hóa* do hội *Đoàn kết Sư sãi yêu nước* tỉnh Trà Vinh¹ đề ra. Tính đến năm 2007, đã có 55 chùa /141 chùa trong Tỉnh được công nhận là “cơ sở thờ tự văn minh”², trong đó có đến 35 ngôi chùa Khmer. Ngoài ra cũng có nhiều cuộc tọa đàm³ đã được tổ chức trong tỉnh An Giang, nhằm khẳng định và phát huy hơn nữa vai trò của ngôi chùa Khmer với chức năng phong phú, đa dạng. Chùa Khmer vừa là trung tâm sinh hoạt của Phật giáo, vừa là trung tâm sinh hoạt văn hóa, là nơi rèn luyện đạo đức và nhân cách con người, nơi giáo dục và bảo tồn văn hóa dân tộc.

Từ những chức năng phong phú của ngôi chùa, cũng thấy được vai trò, vị thế của các sư sãi Khmer trong việc tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào Phật tử tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, phòng chống dịch bệnh, gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh.

1. Sơ Văn hóa - Thông tin tỉnh xét tiêu chuẩn và công nhận.

2. Số liệu do Mặt trận Tổ quốc tỉnh Trà Vinh cung cấp. Tháng 8/2007.

3. Như cuộc tọa đàm “Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa Khmer” ngày 2/8/2006 tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang do ban Chi đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tổ chức.

Với thiết chế Giáo hội Phật giáo từ trung ương đến địa phương, các ban Trị sự Thành hội, Tỉnh hội đã thường xuyên vận động tăng ni, Phật tử hoàn thành tốt các phong trào ích nước, lợi dân, góp ý xây dựng chính quyền vững mạnh, tham gia các hoạt động xã hội vì lợi ích của đất nước và dân tộc, như tham gia ứng cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc các cấp. Qua đó đã xuất hiện nhiều tấm gương "người tốt, việc tốt", được Nhà nước tặng thưởng các Huân chương cao quý như các Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Thích Thiện Hào, Thích Thế Long, Thích Minh Nguyệt, Thích Thiện Siêu, Kim Cương Tử, Thích Thanh Tứ, Thích Thanh Từ, Thích Hiền Pháp, Thích nữ Huỳnh Liên, Thích Huệ Thành, Thích Tôn Thật, Thích nữ Diệu Nghĩa... và nhiều phần thưởng cao quý khác của Bộ ngành, UBND các cấp trao tặng chư tăng, ni, Phật tử tại các địa phương.

2.3. Trên lĩnh vực kiến trúc, nghệ thuật Phật giáo

Cho đến nay, trong nước đã có 13.775 ngôi chùa, tịnh thất, tịnh xá¹, một phần trong số này là kho tàng nghệ thuật, kiến trúc Phật giáo, là di tích đã được công nhận cấp quốc gia, cấp tỉnh, thành. Tính đến năm 1991, toàn quốc đã có 229 ngôi chùa đã được công nhận là di tích lịch sử - văn

1. Số liệu thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 2007.

hóa cấp quốc gia¹. Sự đa dạng trong hệ phái Phật giáo cũng đưa đến tính đa dạng trong kiến trúc Phật giáo Việt Nam. Chùa theo Phật giáo Nam tông của người Khmer có đầu đao đuôi rắn vút cong, nền chính điện cao ráo với những vòng rào bao bọc xung quanh cùng với các chim thần Krud. Keyno bao quanh mặt ngoài chính điện để bảo vệ, che chở không cho các thế lực xấu xâm nhập vào chính điện; trong khi những tịnh xá của hệ phái Khất sĩ lại có kiến trúc hình bát giác, là biểu tượng của Bát Chính đạo trong giáo lý Phật giáo. Đó là một hệ thống kiến trúc in đậm dấu ấn của văn hóa vùng và khí hậu từng khu vực. Nếu như mái chùa vút cong kiêu hãnh, với hàng ngói mũi hài, có thể thấy phổ biến ở các ngôi chùa miền Bắc thì ở Nam Bộ, mái ngói âm dương với đầu đao vuông bằng sắc cạnh, giúp thoát nước nhanh sau những trận mưa rào, chính là nét kiến trúc đặc sắc của ngôi chùa vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Bên trong những mái chùa cổ kính ấy, có thể nhận thấy sự phong phú trong từng pho tượng thờ, với nhiều kiểu dáng, nhiều chất liệu tạo tác khác nhau. Những bao lam chạm lộng hai mặt, với nhiều mô típ trang trí đậm yêu tố dân dã, như hình ảnh của các chú chuột cắn đuôi nhau, bò trên dây dưa, dây bí; những con sóc ôm chùm giác vào lòng; những chú chim sâu đậu trên cành trúc mảnh mai, hay

1 Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kỵ, Phạm Ngọc Long (1993). *Chùa Việt Nam*. Nxb KHXH Hà Nội, tr.394-400.

những con le le đang đùa giỡn dưới ao sen... là những khung cảnh dân gian Nam Bộ đã được chuyển tải bằng đường nét mỹ thuật sinh động, đang được bảo tồn, lưu giữ trong các ngôi chùa cổ ở Việt Nam. Những đóng góp của văn hóa Phật giáo vào đời sống xã hội Việt Nam từ văn hóa vật thể đến phi vật thể là một quá trình dài gắn liền với quá trình Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc.

Chính trong hàng chục ngàn ngôi chùa tháp ấy, văn hóa Phật giáo đã có điều kiện lan tỏa, đi vào đời sống tinh thần, vào cách ăn, nếp nghĩ, vào trong lối sống, tập tục của người Việt Nam. Có thể tìm thấy những ảnh hưởng ấy trên một số mặt: tục viếng chùa lễ Phật; tục cúng rằm, mồng một; tục ăn chay; tục bố thí, phóng sanh.

2.4. Trên lĩnh vực gắn với tín ngưỡng, tập tục dân gian

2.4.1. Tục viếng chùa, lễ Phật: Những ngày rằm, mồng một, hay những ngày Tết, ngày hội lớn trong năm bắt nguồn từ Phật giáo như lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, ngày nay đã trở thành những ngày hội, không chỉ thu hút các Phật tử đến chùa lễ bái. Người dân đến chùa, từ nhiều thế kỷ qua, không chỉ là nhu cầu viếng chùa, lễ Phật. Ở nhiều ngôi chùa trên đồi, nơi có cây cao che phủ, người dân đã tìm đến đây để lấy lại sự bình an cho tâm hồn, khi chiêm ngưỡng phong cảnh nên thơ của thiên nhiên, và vẻ đẹp thoát tục của các pho tượng Phật; lắng nghe tiếng đại hồng chung ngân nga

vang vọng tận đáy hồn. Những ngày đại lễ Phật Đản, Vu Lan đã trở thành những ngày hội văn hóa. Hàng ngàn lượt người đã “vân tập” về tham dự ngày đại lễ Phật Đản. Vu Lan tại các ngôi chùa lớn như Quán Sứ (Hà Nội); Thiên Mụ (Huế); Vĩnh Nghiêm (TP.HCM). Qua những buổi lễ hội ấy, những người Phật tử càng cảm thấy gắn bó hơn với quê hương, tôn kính nhiều hơn với tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Một lần tham dự lễ hội lại là một lần những tăng ni, Phật tử cảm thấy gắn bó hơn với cộng đồng mình, với những người đồng đạo, từ đó là tiền đề để có thể mở rộng tình thương, hướng đến những người ngoại đạo và nhân loại quanh mình.

Vào những ngày không phải là lễ hội, ngày nay, cũng có khá nhiều ngôi chùa có cây cao bóng mát, như chùa Hội Sơn (Thủ Đức), Giác Lâm (TP.HCM), Vĩnh Tràng (Tiền Giang), hay các ngôi chùa Khmer mà mỗi chùa đã có hàng ngàn cây sao, cây dầu bao phủ quanh vườn chùa như Khleng (Sóc Trăng), Samrông Ek (Vĩnh Long), Ông Mẹt (Trà Vinh)... đã thu hút nhiều khách tham quan đến chùa ngắm cảnh, nghiên cứu. Những nét đẹp trong tượng thờ, bao lam, hoành phi, liễn đối, kiến trúc, trang trí đã cho thấy dấu ấn về sự giao lưu văn hóa của nhiều cộng đồng dân tộc sinh sống trên địa bàn Nam Bộ và Việt Nam.

2.4.2 *Tục hành hương*: Ngoài thời gian rảnh rỗi đến viếng chùa, ngày nay, người dân không phải là Phật tử cũng

tham dự vào các chuyến du lịch tham quan các ngôi chùa xưa. Hiện nay, trong những cuộc hành hương này, không chỉ dành cho những “cụ bà” như trước kia nữa, mà trái lại còn có những người trẻ tuổi, thuộc nhiều thành phần khác nhau trong xã hội. Trong cuộc điều tra xã hội của Viện nghiên cứu Tôn giáo, mục đích đến chùa, cầu Phật để thành Phật, Bồ tát, La hán chỉ có 2,5%, tỷ lệ cao nhất chính là để phúc cho con cháu, chiếm 56,8%¹. Phong tục đi “thập tự” (viếng 10 kiếng chùa) vào những ngày đầu năm mới vẫn được duy trì và ngày càng phát triển, không chỉ đối với Phật tử. Đa số khách tham dự là những bà, những cô sống bằng nghề buôn bán có thu nhập khá cao. Họ đi để vãng cảnh, tham quan đất nước và đặc biệt là ghé chùa, vào chính điện cầu nguyện cho được “mua may, bán đắt” hơn nữa!

2.4.3. *Tục cúng Rằm, mồng Một*: Ngày mồng Một là ngày bắt đầu của một tháng², tính theo âm lịch, còn được gọi là ngày sóc (cách gọi phổ biến ở Bắc Bộ), sóc là trước, mới³, là bắt đầu, khởi đầu⁴. Ở Nam Bộ, người dân quen gọi là ngày mồng một. Ngày rằm, tức ngày 15 tính theo âm lịch,

1. Đặng Nghiêm Vạn (2005), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, tái bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.298.

2. Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*.

3. Thiều Chửu, *Hán Việt tự điển*.

4. Nguyễn Quốc Hùng, *Hán Việt từ điển*.

còn được gọi là ngày vọng. Vọng có nghĩa là trông xa¹, là ngày mặt trăng mặt trời đối xứng nhau ở hai cực². Người xưa cho rằng vì thế mặt trời mặt trăng nhìn rõ nhau, thấu suốt ánh sáng nhau, soi chiếu vào mọi tâm hồn con người, giúp ta trở nên sáng suốt, trong sạch, đây lùi được mọi đen tối vẫn đục cái tâm vốn sáng suốt trong sạch từ trong bản thể³. Chữ vọng còn có nghĩa trông mong⁴, ước mong, người xưa lấy ý nghĩa này kết hợp với ý nghĩa trước để làm ngày cầu nguyện. Người ta tin rằng ở ngày này, nhờ sự thông suốt của mặt trời mặt trăng mà thần thánh, ông bà, tổ tiên sẽ thông thương với con người, sự cầu nguyện sẽ đạt tới sự cảm ứng với các cõi và sự thông cảm tha thứ sẽ được đáp lại⁵. Đối với Phật giáo, đây là ngày “trường tịnh” (ngày trong sạch nhất). Đối với tăng ni ở chùa, ngày này, sẽ làm lễ Bồ tát (kiểm điểm hành vi của mình và tụng giới luật). Phật tử đến chùa hai ngày này để sám hối, cầu nguyện bỏ điều dữ, làm điều lành. Ngày nay, nhiều gia đình không theo đạo Phật, chỉ thờ cúng ông bà vẫn có thói quen mua bông hoa, trái cây đặt lên bàn thờ ông bà, bản thiên vào hai ngày này.

1. Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*.

2. Thiều Chửu, *Hán Việt từ điển*.

3. Thích Đồng Bổn (2007), *Phong tục dân gian Nam Bộ & Phật giáo*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, tr.31.

4. Nguyễn Quốc Hùng, *Hán Việt từ điển*.

5. Thích Đồng Bổn (2007), sdd, tr.31

Khi thắp nhang cầu nguyện, không ít người đã van vái Trời, Phật phò hộ cho gia đình được may mắn, hạnh phúc.

Bên cạnh nhu cầu mua hoa cúng ông bà, cúng Phật ngày rằm, mồng một, chợ búa, phố xá cũng có những nét mới sinh động, rộn ràng hơn hẳn. Từ nhiều điểm trồng hoa ở ngoại thành, bông hoa đã được đưa về thành phố với số lượng nhiều hơn, trái cây bày bán nhiều loại và tất nhiên vào hai ngày này, giá cả của bông hoa, trái cây có cao hơn ngày thường một ít. Nhiều phụ nữ đi chợ về đều có trên tay một bó hoa tươi thắm. Có nhiều gia đình không mấy khá giả, đã chi dành tiền mua trái cây vào hai ngày này để “trước cúng ông bà, sau đó mới ăn”.

2.4.4. *Tục ăn chay (hay ăn lạt)* của của hệ phái Phật giáo Bắc tông và Khất sĩ phát xuất từ lòng từ bi, không muốn các sinh vật bị giết hại. Đạo Phật khuyên mọi người theo đạo tập ăn chay tối thiểu là hai ngày sóc, vọng trong tháng. Trong thực tế, có người cư sĩ đã trường chay, hay ăn chay một tháng, 8 ngày hoặc 10 ngày.

Tập tục ăn chay ngày nay không chỉ có ở Việt Nam mà cả ở các nước phương Tây cũng áp dụng, do tính chất hiệu quả của phương pháp chay lạt chữa được bệnh tật, nhất là các bệnh về tim mạch, tăng cường sức khỏe, nâng cao tuổi thọ... Với sự tìm hiểu của các ngành khoa học, người ta đã chứng minh tính bổ dưỡng của các nguồn thực phẩm rau, đậu... do đã thu nhận trực tiếp nguồn năng lượng mặt

trời, không thông qua sinh vật. Tục ăn chay cũng đã được áp dụng ngay cả đối với những người không theo đạo. Vào các ngày sóc, vọng, tại chợ, nhiều hàng quán không bán thức ăn mặn. Số lượng cá, thịt được cung cấp ít đi; có sạp nghỉ bán cá vào những ngày chay. Nhiều cửa hàng bán thức ăn chay đã liên tiếp mở ra, phục vụ khách hàng trong và ngoài nước, liên tục từ sáng đến 11 giờ đêm, suốt năm, không chỉ giới hạn vào hai ngày rằm và mùng một như trước đây. Những điểm bán thức ăn chay có tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh như Giác Đức (đường Nguyễn Đình Chiểu), Thuyền Viên (đường Nguyễn Văn Đậu), Cây Bò Đê (đường Phạm Ngũ Lão), Phật Hữu Duyên (đường Nguyễn Trãi); Nàng Tấm, Việt Chay... (đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa); ở Thủ đô Hà Nội có quán cơm chay Nàng Tấm (đường Trần Hưng Đạo) đã chế biến khá nhiều món chay khác nhau để phục vụ khách hàng. Đa số cửa hàng đã sử dụng cả những thực phẩm nhập từ các nước vào. Điều dễ nhận thấy trong các cửa hàng ăn này là cung cách của người bán và khách hàng. Sự cởi mở, vui vẻ, ở người bán và nét điềm đạm, thiện lành ở người ăn. Tất cả những điều đó, góp phần vào việc hình thành một phong cách sống văn minh, lịch sự.

2.4.5. *Tục bố thí, phóng sanh* đã ăn sâu vào đời sống, sinh hoạt của người dân. Bố thí là một trong sáu hạnh của Lục Độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí

huệ) được đề cập trong giáo lý Phật giáo và được xem là đức hạnh căn bản đầu tiên. Tập tục bố thí, sẵn sàng giúp đỡ người nghèo khó, bệnh tật, hoạn nạn... phát xuất từ lòng từ bi của đạo Phật. Vào những ngày lễ hội lớn của Phật giáo, hay chỉ nhân một buổi viếng chùa, khách tham quan cũng cho tiền những người bệnh tật: mua chim, cá để phóng sanh; cúng dường tam bảo hoặc cho vào quỹ trùng tu chùa.

Ngày nay, tục bố thí được nhân rộng và được thể hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng hơn như tham gia các đợt cứu trợ, tương tế cho đồng bào bị lũ lụt, giúp đỡ quỹ học bổng cho các em nghèo hiếu học ở vùng xa, vùng sâu..., góp vào quỹ "xóa đói giảm nghèo" của các phường, huyện, thị... đóng góp công sức và tiền của vào việc xây dựng nhà Tình nghĩa cho các mẹ Liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng; nhà Tình Thương cho người nghèo. Tất nhiên, trong sự đóng góp đó không chỉ của những người Phật tử. Tục bố thí đã được nhân rộng do đã dễ dàng kết hợp với tình nhân ái, lòng khoan dung của dân tộc Việt Nam, bằng nhiều hình thức mang đậm đạo lý truyền thống "Lá lành đùm lá rách".

2.4.6. Ngoài một số tập tục trên, nhiều gia đình tuy không theo đạo Phật nhưng vẫn giữ *nếp cúng giỗ, tang ma... ảnh hưởng yếu tố Phật giáo*. Khi trong gia đình có người qua đời, thân quyến thường mời thầy về tụng kinh cầu siêu cho vong linh quá vãng. Do đó, các trình tự tiến

hành đám tang vẫn tuân thủ các nghi lễ của Phật giáo như lễ chịu tang, cúng cơm vong, cầu siêu, cúng cáo ông bà trước lúc di quan...

Việc mời thầy về nhà cúng cầu an hay cầu siêu đã trở thành tập quán của người dân. Nếu thiếu một thầy tụng kinh đưa đám, xem như đám tang tẻ lạnh. Rồi đến những lễ tuần (cúng thất 7 ngày, 49 ngày) nhiều nhà cũng đến chùa làm lễ, hoặc rước thầy về nhà thiết bàn Phật tụng kinh.

Có người do không con thừa tự, trước khi qua đời, cũng đem tài sản đến cúng vào chùa, để khi chết, chùa lo phần mai táng, cúng quảy, thờ tự... Có những người già, không có con cháu nối dõi, cũng xin vào chùa "công quá" cho đến ngày qua đời...

2.4.7. Dấu ấn văn hóa Phật giáo còn thể hiện qua các công trình khoa học, nghệ thuật, hội họa, cải lương... Nhiều năm gần đây, với sự phát triển của thủ đô và một số thành phố có vai trò quan trọng về kinh tế và văn hóa, nhiều khách du lịch nước ngoài đã đến Việt Nam, có điều kiện tiếp cận nhiều hơn với văn hóa Phật giáo Việt Nam. Văn hóa Phật giáo cũng có điều kiện được phổ biến rộng rãi hơn qua các chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam, kênh Văn hóa (VTV2), các Đài Truyền hình TP.HCM và ở các địa phương; qua các sách cầm tay, hướng dẫn du lịch, các loại bướm... giới thiệu nét độc đáo của chùa chiền, tượng thờ. Đời sống, nếp sinh hoạt của tăng ni trong chùa được

người dân hiểu biết nhiều hơn thông qua các công trình nghiên cứu, các luận văn tốt nghiệp ở nhiều trường đại học, đã có số lượng đề tài khá phong phú về nhiều lĩnh vực của Phật giáo.

Bên cạnh sách báo Phật giáo, còn có băng video, sau này đã chuyển sang đĩa VCD, DVD. Nhiều tuồng cải lương có nội dung Phật giáo đã được phát hành như: Phạm Công Cúc Hoa, Tấm Cám, Lục Tô Huệ Năng, Cuộc đời Phật Thích Ca... đã đến với nhiều gia đình không theo đạo Phật.

Trong nghệ thuật tạo hình, mái chùa cô kính giữa núi non tĩnh mịch hay đoàn người đi lễ hội đông vui hoặc một bức tranh nêu lên nét thiền... vẫn là đề tài gây nhiều cảm hứng cho nghệ nhân. Nhiều bức tranh sơn dầu, tranh lụa, sơn mài... đề tài Phật giáo đã được nghệ nhân thể hiện sinh động. Tranh "Chùa Thầy" của nữ họa sĩ Đào Hoa Nữ, "Đi lễ chùa" của Nguyễn Khắc Vịnh, nhiều nét độc đáo thể hiện chất Thiền trong tranh của Y Sa... đã góp phần chuyển tải văn hóa Phật giáo vào trong cuộc sống tinh thần của người dân.

Bên cạnh các đường nét bút họa, còn rất nhiều tranh tượng, chạm khắc gỗ, thể hiện hình ảnh các vị Bồ Tát, La Hán như tượng Quan Thế Âm, Di Lặc Tôn vương Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật... hay các loại tranh vẽ màu trên kiếng, tranh treo ngày Tết, lịch hàng năm... đều sử dụng khá nhiều hình ảnh chùa xưa, di tích cổ, tượng Phật quý...

Thú chơi cây cảnh ở Thành phố Hồ Chí Minh những năm gần đây có tăng lên cùng với mức sống có thu nhập cao của một số thị dân. Trong khung cảnh thành phố công nghiệp ngày càng được hiện đại hóa, người dân thành phố càng có nhu cầu muốn gần gũi với thiên nhiên nhiều hơn. Khá nhiều chủ hộ đã nhường chỗ nhỏ hẹp ở sân nhà để đặt hòn non bộ. Trong góc sân thanh nhàn đó, thường đặt tượng Quan Âm tọa sơn trên những hòn non bộ ấy!

Thú chơi kiềng gốc cũng thể hiện giáo lý Phật giáo. Nghệ nhân đã thể hiện sự hài hòa của con người với thiên nhiên, vũ trụ bao la. Chăm sóc hoa kiềng cũng là thiên định. Nhìn ngắm các gốc cây già cỗi để lòng được thanh tịnh hơn, thấy được rõ hơn sự vận hành trong vũ trụ: có sinh ra, lớn lên và đi vào sự già cỗi, tàn úa.

Có thể nói, văn hóa Phật giáo bàng bạc trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao tính thẩm mỹ, nét sáng tạo, thúc đẩy con người vươn đến chân, thiện, mỹ. Tuy nhiên, vẫn còn không ít những biểu hiện chưa đẹp về nhiều mặt trong sân các ngôi chùa, như vẫn còn khá nhiều cảnh tượng người tàn tật, bị bệnh truyền nhiễm đã tụ tập trước cửa chùa chiền để níu kéo, van xin lòng từ bi của khách hành hương trong và ngoài nước. Vẫn chưa hết việc lợi dụng lòng thương người của người dân trong thành phố để một số lười biếng lao động, giả dạng đi khất thực, khoác áo tu hành, giả danh tu sĩ hệ phái Khất

sĩ, ôm bình bát đứng hẵn giữa lòng đường để “xin ăn”. Điều này đã xúc phạm đến ngay cả giới luật và oai nghi của tu sĩ Phật giáo. Vẫn còn khá nhiều gia đình, do muốn tỏ lòng hiếu kính với ông bà, tổ tiên đã qua đời, đốt vàng mã cúng cho người chết, số tiền lên đến hàng chục triệu đồng. Vẫn chưa hết việc lợi dụng lòng tin vào số kiếp luân hồi, nhân quả của các Phật tử để xem bói, xem tướng, đoán sao, giải hạn... ngay trong chùa, để làm tiền nhiều phụ nữ nhẹ dạ đang trong cảnh tình duyên dang dở...

Vẫn còn khá nhiều cảnh tượng nêu trên, của một số người thiếu ý thức, đã làm hoen ố và vẫn đục nếp sống văn hóa lành mạnh. Điều đó đã đặt ra nhiều bài toán chưa có lời đáp cho các nhà hoạt động văn hóa và cán bộ chức năng. Để góp phần giảm bớt, đi đến xóa bỏ các hiện tượng thiếu lành mạnh nêu trên, ngoài những biện pháp hành chính, có lẽ tốt hơn hết vẫn là việc tìm nhiều cách khác nhau để nâng cao trình độ dân trí và đời sống vật chất. Từ đó, mái chùa duyên dáng với đường nét thanh tú vẫn còn là một sức hút lôi cuốn người dân tìm đến để lấy lại sự cân bằng trong cuộc sống, đồng thời để nâng cao hiểu biết, tăng cường kiến thức về thẩm mỹ, nghệ thuật. Các nhà lãnh đạo Phật giáo cũng cần thấy rõ vai trò của mình trong việc giúp đỡ tín đồ sống lành mạnh, loại bỏ dần các hình thức mê tín có ảnh hưởng đến tiền bạc, sức khỏe và ngay cả sinh mệnh chính mình...

2.5. Trên lĩnh vực bình đẳng và dân chủ

Trong những văn bản chính thức của Phật giáo Việt Nam đều không đề cập đến khái niệm bình đẳng và dân chủ. Tuy nhiên, tinh thần này đã được thể hiện khá rõ nét xuyên suốt dòng lịch sử phát triển của Phật giáo Việt Nam. Bình đẳng giữa người xuất gia và tại gia; giữa nam và nữ. Có những cư sĩ chiếm vị trí hàng đầu trong giới Phật học nước nhà, được cả hàng tại gia và xuất gia tôn trọng không khác gì những bậc thầy trong đạo như vua Lý Thái Tôn, Lý Thánh Tông, cư sĩ Tuệ Trung trước đây hoặc thời cận hiện đại cũng ghi tên nhiều cư sĩ tài ba như Tâm Minh Lê Đình Thám, Thiều Chửu, Trần văn Giáp, Mai Thọ Truyền... Từ năm 1956, với sự hình thành của Ni bộ Nam Việt, đã chứng tỏ một thực tế là ni giới Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là ở Nam Bộ, đã thực sự trở thành một lực lượng, một nguồn nhân lực đáng kể trong sự vận hành của tổ chức Phật giáo Việt Nam. Người nữ tu sĩ Phật giáo trong một hội thao quốc tế mới đây¹ đã tham luận “Tiềm năng đóng góp của ni giới: sứ mệnh có thể thực hiện”². Đó cũng là một minh chứng cho thấy quá trình nhập thế của tăng ni Phật tử và đã góp

1. Hội thảo “*Phật giáo trong thời đại mới: cơ hội và thách thức*”, tổ chức tại TP.HCM ngày 15 & 16/7/2006.

2. Thích nữ Huệ Liên, “*Tiềm năng đóng góp của ni giới: sứ mệnh có thể thực hiện*”, tham luận tại hội thảo quốc tế: “*Phật giáo trong thời đại mới: cơ hội và thách thức*”, tổ chức tại TP.HCM ngày 15 & 16/7/2006.

phần duy trì tinh thần bình đẳng và dân chủ trong Phật giáo.

Tất cả những yếu tố tổng hợp của văn hóa Phật giáo góp phần vào văn hóa Việt Nam nói trên cũng chính là nhằm giúp vào việc bảo tồn, duy trì tính bền vững của văn hóa Phật giáo, những yếu tố đã đi vào tâm thức cư dân Việt bao đời nay và sẽ còn tồn tại mãi với dân tộc Việt Nam.

3. Những đóng góp của văn hóa Phật giáo vào sự phát triển xã hội

Từ trên những đóng góp của văn hoá Phật giáo vào xã hội, có thể nhận thấy vai trò của Phật giáo Việt Nam là quan trọng, đã trở thành một nhân tố không thể thiếu của văn hoá Việt Nam. Sự đóng góp của Phật giáo trên nhiều lĩnh vực, từ đạo đức, giáo dục, luân lý, tính thẩm mỹ, tạo cân bằng môi trường sinh thái, góp phần giải quyết tệ nạn xã hội, giúp con người sống thiện và có một đời sống an lạc tại thế gian... Phật giáo đã mang đến trong tâm hồn người Việt một đời sống tâm linh phong phú. Trong lịch sử, Phật giáo luôn gắn liền với vận mệnh dân tộc, đã hòa nhập thành yếu tố dân tộc, thúc đẩy lịch sử tiến lên. Dân tộc còn, đạo pháp còn. Trong mối quan hệ với dân tộc, Phật giáo đã từng được các học giả ví von như nước với sữa, như nước thấm vào đất... Chính mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa dân tộc và Phật giáo đã cùng cố được khối đoàn kết toàn dân, cùng hướng tới cái đẹp: chân, thiện, mỹ. Đó chính là những thành tố góp vào sự phát triển cho một xã hội bền vững dựa trên

những tiền đề của lòng từ bi, biết tôn trọng sự sống của muôn loài, sự hài hòa, tính khoan dung, lòng nhân ái. Tất cả những đóng góp ấy chính là những góp phần của văn hoá Phật giáo vào xã hội. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin đã nhận xét: “Văn hóa Phật giáo là nét văn hóa đặc trưng trong dòng chảy văn hóa dân tộc Việt ta. Ở nơi nào văn hoá các tôn giáo trở thành văn hoá đặc trưng, thì đó chính là văn hoá dân tộc. Tôn vinh văn hoá Phật giáo là tôn vinh văn hóa dân tộc”¹.

Qua ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa vừa được phân tích, lý giải để thấy rõ vai trò của Phật giáo Việt Nam trong xã hội, có thể tóm tắt được 4 công hiến của Phật giáo cho dân tộc Việt Nam. *Thứ nhất*, đó là Phật giáo đã công hiến cho con người một chân lý sống hay quan niệm sống dẫn đến an vui, hạnh phúc. *Thứ hai*, là tình thương bao la đi cùng với sự bình đẳng không phân biệt, dẫn đến hòa bình thực sự cho con người. Chỉ có tình thương và tâm bình mới đẹp được tranh chấp. *Thứ ba*, là tinh thần nhân bản và sự tự do đích thực, vì Phật giáo chủ trương làm chủ vận mạng của mình chứ không do một thế lực thần quyền nào quyết định cả. Phật giáo không những chỉ có những tự do về mặt quan hệ xã hội mà còn phát huy tự do tâm linh để làm phong phú đời sống nội tâm của con người. *Thứ tư*, tinh thần đồng nhất

1. Lê Doãn Hợp (2007). *Tôn vinh văn hoá Phật giáo là tôn vinh văn hóa dân tộc*. Phong văn Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Văn hoá Phật giáo số 34.

trong tương quan hòa hợp, thể hiện ở triết lý: *Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không*, nói lên sự tương quan, tương liên và hòa đồng của vạn vật, con người và vũ trụ; và *Một là tất cả, tất cả là một*, nói lên cái nhìn đồng nhất thể, trong chiều sâu của vũ trụ và nhân sinh¹.

Từ các hướng tác động của Phật giáo đối với con người đã cho thấy Phật giáo là tôn giáo vì con người, từ con người mà có. Phật giáo có vai trò quan trọng trong đời sống con người, một vai trò mà trong đó con người tham dự một phần quan trọng vào đời sống xã hội. “Lễ bái ở chùa, lễ cầu siêu và cầu an cần thiết trong chừng mực, nó an ủi tinh thần người chết cũng như người sống, nó nhắc nhở mọi người dự lễ noi theo lời dạy của Phật làm mọi điều lành, tránh mọi điều dữ... Chứ lễ bái đâu có khả năng rửa sạch tội lỗi nếu tâm vẫn còn bất thiện? Phật giáo Việt Nam của thế kỷ 21 phải là Phật giáo của lý trí, không thể dung túng những tập tục mê tín dị đoan có thể là nguồn lợi dưỡng đáng kể và người có trí không thể chấp nhận được”². Vị trí của ngôi chùa cũng cần được chuyển đổi cho phù hợp với thời đại: là nơi làm công tác văn hoá và từ thiện, nơi tọa đàm giáo lý và hành thiền, là một trung tâm Phật học với thư viện có đầy

1. Mật Nghiêm (2005), *Triển vọng về sự phát triển của đạo Phật trên thế giới vào thế kỷ 21*, Trong sách: *Phật giáo trong thời đại chúng ta*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.58-59.

2. Minh Chi (2005), *Phật giáo Việt Nam thế kỷ 21*, Trong sách: *Phật giáo trong thời đại chúng ta*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.19.

đủ sách về Phật học và thế học...

Đề cập đến vai trò của Phật giáo trong xã hội hiện tại trên lĩnh vực văn hoá và đạo đức, đã có câu hỏi đặt ra rằng: “Ai giúp xã hội duy trì nếp sống văn hóa đã nuôi dưỡng sức sống của dân tộc trước những thế lực chinh phục nhằm xóa nhòa sự phân biệt giữa “người” với “ta”, giữa trong và ngoài, giữa ngoại nhập với nội lực? Sức mạnh tâm linh nào giúp xã hội giữ được thế quân bình giữa mục tiêu an lạc và nhu cầu thăng tiến vật chất không ngừng? Làm sao phát huy một nếp sống Việt Nam đặc thù giữa xu hướng đồng nhất, đồng hóa của làn sóng toàn cầu hóa ngày nay? Trước những thách thức đó, Phật giáo luôn luôn là nền tảng, là điểm tựa của dân tộc. Trong quá khứ chúng ta đã thế, trong tương lai chúng ta vẫn thế. Trên, dưới, trong, ngoài, Phật giáo công hiến một đạo đức, một văn hóa phân minh”¹. Đề hướng đến một xã hội phát triển bền vững, giá trị nhân bản là giá trị cao nhất trong mọi giá trị. Mọi phát kiến khoa học, sáng tạo nghệ thuật đều cần dựa vào tiêu chuẩn có đề cao giá trị nhân bản, có đem lại hạnh phúc cho con người hay không? Phật giáo là tôn giáo có đầy đủ các tính chất ấy.

1. Cao Huy Thuần (2003), *Vai trò của Phật giáo trong xã hội hiện đại trên lĩnh vực văn hóa và đạo đức*, Tập văn Thành đạo số 55, tr.104.

* Kết luận

1
Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo trong phát triển chính là tìm hiểu những phương cách tác động của Phật giáo vào xã hội Việt Nam, trên nhiều lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hóa, xã hội, những tác động này có thể giúp cho xã hội phát triển, và ở một mức độ nhất định, phải là một sự phát triển bền vững. Mỗi một lĩnh vực, Phật giáo Việt Nam đã từ những yếu tố tích cực trong giáo lý Phật giáo mà vận dụng vào xã hội, bằng nhiều phương cách thể hiện khác nhau, bằng những con đường chuyển tải khác nhau, nhưng tựu trung lại cũng chỉ là nhằm vào việc mang lại sự an vui, niềm hạnh phúc về cả vật chất và tinh thần cho con người.

Trên lĩnh vực kinh tế, không có một lời dạy trực tiếp nào về chủ đề kinh tế trong kinh điển Phật giáo, nhưng lời dạy của Đức Phật về 4 nhu cầu: *ăn, mặc, ở và thuốc men* xuất hiện khắp trong kinh điển, đều có liên quan đến kinh tế học. Tìm hiểu tư tưởng cũng như những xu hướng tác động của giáo lý Phật giáo vào những nhu cầu của con người do Đức Phật đề ra sẽ thấy rằng quan niệm về kinh tế học Phật

giáo mang tính tích cực và có lợi cho sự phát triển kinh tế bền vững của nước nhà.

Kinh tế học Phật giáo hướng về sự an lạc và hạnh phúc. Sự điều độ và hạnh phúc sẽ giúp con người thoát khỏi những ham muốn vô tận và bất thiện, sẽ đưa đến việc kiểm soát rắc rối do sản xuất quá mức và tiêu dùng quá độ. Kinh điển Phật giáo cũng đề cập đến những nguy cơ đưa đến rối loạn xã hội từ sự nghèo khổ. Như vậy, những giáo huấn của Đức Phật về kinh tế học có thể được lập thành công thức: *"Hương hạnh phúc tối đa với tài sản tối thiểu"*. nó cho thấy sự tiêu dùng thích đáng và khôn ngoan có quan hệ lớn đến phẩm chất đời sống, kể cả sự tốt đẹp và đạo đức của cá nhân và xã hội.

Ứng dụng tinh thần, đường hướng của Phật giáo đối với vấn đề kinh tế, chư tăng ni, Phật tử đã triển khai nhiều hoạt động nhằm góp phần thể hiện tinh nhập thế của Phật giáo Việt Nam.

Trên lĩnh vực xã hội, với chức năng liên kết xã hội, Phật giáo thực hiện sự hợp tác, hòa hợp giữa các hệ phái, giữa tăng ni và Phật tử. Tăng cường tình hữu nghị với Phật tử và các tổ chức Phật giáo trên thế giới, tham gia xây dựng hòa bình, hạnh phúc cho nhân loại trong mục đích phụng sự dân tộc. Ngoài ra, với *chức năng phúc lợi xã hội,* Phật giáo thực hiện tinh thần từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn trong giáo lý để giúp đỡ, hỗ trợ cho những người khốn khổ, thiếu kém

trong xã hội. Thành tựu của tinh thần này được biểu hiện nhiều vẻ, dưới nhiều góc độ khác nhau. Có thể thấy điều này trên thành quả của hàng trăm phòng phát thuốc, hàng chục Tuệ Tĩnh đường, các lớp học Tình Thương, trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật, trung tâm tư vấn, giúp đỡ người bị HIV/AIDS; nhà ở cho người có công với nước, Quỹ Khuyến học cho những trẻ em nghèo hiếu học, chăm lo cho người già neo đơn, những trẻ mồ côi không người nuôi dưỡng. Song song với những thuận lợi có tính nội tại của Phật giáo Việt Nam, đạo Phật lại được sự hỗ trợ, hưởng ứng của chính quyền. Đối với hệ phái Nam tông, phương pháp tu tập chú trọng giữ gìn giới luật và hành thiền. Tuy vậy, hệ phái này cũng có nhiều hoạt động đóng góp vào xã hội. Hệ phái Khất sĩ, với đường hướng tu tập theo hạnh “Trì bình, khất thực”¹ nhưng tại cơ sở Trung ương của hệ phái cũng đã thành lập được Tuệ Tĩnh đường.

Tuy nhiên, trên lĩnh vực từ thiện - xã hội Phật giáo, chúng ta vẫn chưa thấy được một hệ thống tổ chức các hoạt động TT-XH trên một cách chặt chẽ. Phật giáo, trên nhiều lĩnh vực, từ ý thức nhập đạo, quy y tam bảo hay tham gia vào các lĩnh vực, đều đặt trên tinh thần tự nguyện là chính. Vì vậy, trong giai đoạn mới của đất nước, giai đoạn hội nhập khu vực và thế giới, càng cần thiết tăng cường ý thức

1. Ôm bình bát đi khất thực từ sáng sớm đến giữa trưa để tạo điều kiện cho mọi người học tập hạnh bố thí.

tổ chức chặt chẽ. Cơ sở TT-XH cũng cần có văn phòng, có mục đích, đường hướng hoạt động cụ thể, có danh bạ, sách, tập bướm giới thiệu... để giúp mở rộng hoạt động, liên kết về kinh nghiệm và hoạt động với các tôn giáo khác, đặc biệt là với Công giáo và đặt quan hệ với các tổ chức từ thiện thế giới. Có vậy, Phật giáo mới có thể phát huy hết nội lực của mình trong việc thực hiện đường hướng theo tinh thần giáo lý đã đề ra.

Trên lĩnh vực văn hóa, được thể hiện qua đạo đức Phật giáo, qua xây dựng, phát triển và bảo vệ tổ quốc; qua kiến trúc, nghệ thuật Phật giáo; qua tín ngưỡng, tập tục dân gian, qua thể hiện tư tưởng bình đẳng và dân chủ... tất cả những yếu tố tổng hợp của văn hóa Phật giáo góp phần vào văn hóa Việt Nam nói trên cũng chính là nhằm giúp vào việc bảo tồn, duy trì tính bền vững của văn hóa Phật giáo, những yếu tố đã đi vào tâm thức cư dân Việt bao đời nay và sẽ còn tồn tại mãi với dân tộc Việt Nam.

Từ trên những đóng góp của văn hóa Phật giáo vào xã hội, có thể nhận thấy vai trò của Phật giáo Việt Nam là quan trọng, đã trở thành một nhân tố không thể thiếu của văn hóa Việt Nam. Sự đóng góp của Phật giáo trên nhiều lĩnh vực, từ đạo đức, giáo dục, luân lý, tinh thần mỹ, tạo cân bằng môi trường sinh thái, góp phần giải quyết tệ nạn xã hội, giúp con người sống thiện và có một đời sống an lạc tại thế gian... Phật giáo đã mang đến trong tâm hồn người

Việt một đời sống tâm linh phong phú. Trong lịch sử, Phật giáo luôn gắn liền với vận mệnh dân tộc, đã hòa nhập thành yếu tố dân tộc, thúc đẩy lịch sử tiến lên.

Có thể nói, văn hóa Phật giáo bàng bạc trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao tính thẩm mỹ, nét sáng tạo, thúc đẩy con người vươn đến chân, thiện, mỹ. Tuy nhiên, vẫn còn những biểu hiện chưa đẹp về nhiều mặt trong các lĩnh vực hoạt động văn hóa Phật giáo. Để góp phần giảm bớt, đi đến xóa bỏ các hiện tượng này, ngoài những biện pháp hành chính, có lẽ tốt hơn hết vẫn là việc tìm nhiều cách khác nhau để nâng cao trình độ dân trí và đời sống vật chất.

Để kết thúc phần tìm hiểu về chức năng xã hội của Phật giáo trong phát triển, có thể nêu lên nhận xét của nhà bác học A. Einstein: “Nếu có một tôn giáo nào đương đầu được với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo (...) Cây cầu Phật giáo đã kích thích con người khám phá những tiềm năng lớn lao nằm sâu kín trong chính con người, và trong môi trường sống chung quanh. Phật giáo, vượt thời gian và mãi mãi có giá trị”¹.

1. Mật Nghiêm (2005). *Triển vọng về sự phát triển của đạo Phật trên thế giới vào thế kỷ 21*. Trong sách: *Phật giáo trong thời đại chúng ta*. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.60.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tiếng Việt

1. Bùi Thế Cường (2006). *Phân tích chức năng trong nghiên cứu xã hội*. Khoa học xã hội số 5.
2. Cao Huy Thuần (2003). *Vai trò của Phật giáo trong xã hội hiện đại trên lĩnh vực văn hóa và đạo đức*. Tập văn Thành đạo số 55.
3. Danai Chanchaochai (2007). *Những nguyên tắc của nền kinh tế Phật giáo*, Nguyệt san Giác ngộ số 133.
4. Đặng Nghiêm Vạn (2005). *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, tái bản lần thứ hai. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, .
5. Đạt Lai Lạt Ma (2007). *Tôn giáo trong xã hội hiện đại*. Linh Thụy dịch, Văn hóa Phật giáo số 34.
6. Gia Quốc (2007). *Ý thức dân tộc trong kinh doanh*, Nguyệt san Giác ngộ số 131.
7. Hệ phái Ni giới Khất sĩ Việt Nam (2002). *Tịnh xá Ngọc Châu - Ngày ấy bây giờ*, Nxb. Đà Nẵng .
8. K.Sri Dhammananda (1995). *Đạo Phật và đời sống hiện đại*. Thích Tâm Quang dịch từ *Buddhism and present life*. Tủ sách Phật học song ngữ Anh-Việt.

9. Jablovkov I.N (1997), *Khái niệm và các chức năng của tôn giáo*. Thông tin KHXH chuyên đề 1997.
10. Lê Đức Hạnh (2005), *Một vài đóng góp của Phật giáo đối với văn hóa Việt Nam*, Nghiên cứu tôn giáo số 5.
11. Lê Thọ (2007), *Cư sĩ làm kinh tế được hay không?* Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 1, Giáo hội Phật giáo Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
12. Nhiều tác giả (2005), *Phật giáo trong thời đại chúng ta*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
13. Nguyễn Cần (2007), *Phật pháp ứng dụng vào quản trị doanh nghiệp hiện đại*. Văn hóa Phật giáo số 32.
14. Quán Như (2005), *Kinh tế Phật giáo theo quan điểm Đại thừa*, Nguyệt san Giác ngộ số 109.
15. Suwanna Sahta Anand (2006), *Những suy tư về vấn đề công nghệ, lý trí và các giá trị nhân văn của Phật giáo*, Nghiên cứu tôn giáo số 3.
16. Thích Đồng Bôn (2007), *Phong tục dân gian Nam Bộ & Phật giáo TP.HCM*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
17. Thích Nhất Hạnh (1965), *Đạo Phật Hiện đại hóa*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
18. Thích Trí Quảng (2005), *Quan niệm về kinh tế trong Phật giáo*, Nguyệt san Giác ngộ số 109.
19. Thiện Minh Nguyễn Văn Sáu, *Phật giáo Nam tông xứ Huế*. Bản thảo.

20. Thích Tâm Thiện (1999), *Tìm hiểu tôn giáo của đạo Phật*, Nxb. TP.HCM.

21. Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn (2005), *Giáo trình tôn giáo học*, Nxb. Đại học Sư phạm TP.HCM, tr.35-37.

22. Trần Hồng Liên (2001), *Vai trò và hoạt động từ thiện - xã hội của các tổ chức tôn giáo đối với phong trào xóa đói giảm nghèo ở TP.HCM*. Trong sách: *Vấn đề giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa ở TP.HCM*, Nxb. KHXH.

23. Trần Hồng Liên (2004), *Anh hưởng của Phật giáo trong đời sống cư dân TP.HCM*. Trong sách *Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam Bộ*, Nxb. KHXH.

24. Tuệ Sỹ (2006), *Nền tảng kinh tế học theo cách nhìn Phật giáo*, Nguyệt san Giác ngộ số 125.

* Tiếng nước ngoài

1. Brett G. Scharffs (2007), *Towards a framework for understanding charitable and economic activities of churches: the U.S example*. Paper of international conference: *Religion and rule of law in Southeast Asia: Continuing the discussion*, 3-4 Nov 2007, Hanoi.

2. Eric G. Andersen (2007), *Religious organizations and social welfare: key issues in the united states*.

Paper at international conference: *Religion and rule of law in Southeast Asia: Continuing the discussion*, 3-4 Nov 2007, Hanoi.

3. Esa Mangeloja (2003), *Implications of the Economics of Religion to The Empirical Economic Research*.
<http://129.3.20.41/eps/othr/papers/0310/0310004.pdf>

4. Iannaccone, L. (1998), *Introduction to the Economics of Religion*, *Journal of Economic Literature* 36, pp.1465-1496.

5. Keely, L. (2003), *Comment on: People's opium? Religion and economic Attitudes*, *Journal of Monetary Economics* 50, pp. 283-287.

6. Luigi Guiso, Paola Sapienza, and Luigi Zingales (2002), *People's Opium? Religion and Economic Attitudes*, NBER Working Paper No. 9237, October 2002. JEL No. O57, O40, P51.

7. Rabushka, Alvin, Kenneth A. Shepsle (1972), "Politics in Plural Societies: A Theory of Democratic Instability".
http://www.cid.harvard.edu/cidstudents/thesis_prize/thesis_2002/ch1.pdf

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| * Dẫn nhập | 7 |
| Chương I: Chức năng của Phật giáo | |
| đối với vấn đề kinh tế | 17 |
| 1. Các phương thức tác động của Phật giáo | |
| vào lĩnh vực kinh tế..... | 20 |
| 2. Những đóng góp của kinh tế Phật giáo vào xã hội..... | 24 |
| 3. Những đóng góp của kinh tế học Phật giáo | |
| vào sự phát triển xã hội..... | 33 |
| Chương II: Chức năng của Phật giáo | |
| đối với vấn đề xã hội | 35 |
| 1. Các phương thức tác động của Phật giáo | |
| vào lĩnh vực xã hội..... | 37 |
| 2. Những đóng góp của hoạt động từ thiện - xã hội | |
| Phật giáo vào xã hội..... | 39 |
| 3. Những đóng góp của hoạt động từ thiện - xã hội | |
| Phật giáo vào sự phát triển xã hội..... | 47 |
| Chương III: Chức năng của Phật giáo | |
| đối với vấn đề văn hóa | 52 |
| 1. Các phương thức tác động của Phật giáo | |
| vào lĩnh vực văn hóa..... | 52 |

| | |
|--|----|
| 2. Những đóng góp của văn hóa Phật giáo vào xã hội..... | 54 |
| 2.1. Trên lĩnh vực đạo đức Phật giáo..... | 55 |
| 2.2. Trên lĩnh vực xây dựng, phát triển và bảo vệ tổ quốc..... | 58 |
| 2.3. Trên lĩnh vực kiến trúc, nghệ thuật Phật giáo..... | 60 |
| 2.4. Trên lĩnh vực gắn với tín ngưỡng, tập tục dân gian..... | 62 |
| 2.5. Trên lĩnh vực hình dáng và dân chu..... | 73 |
| 3. Những đóng góp của văn hóa Phật giáo vào sự phát triển xã hội..... | 74 |
| * Kết luận | 78 |
| * Tài liệu tham khảo | 83 |
| * Mục lục | 87 |
| * Phụ lục | 89 |

PHỤ LỤC ẢNH



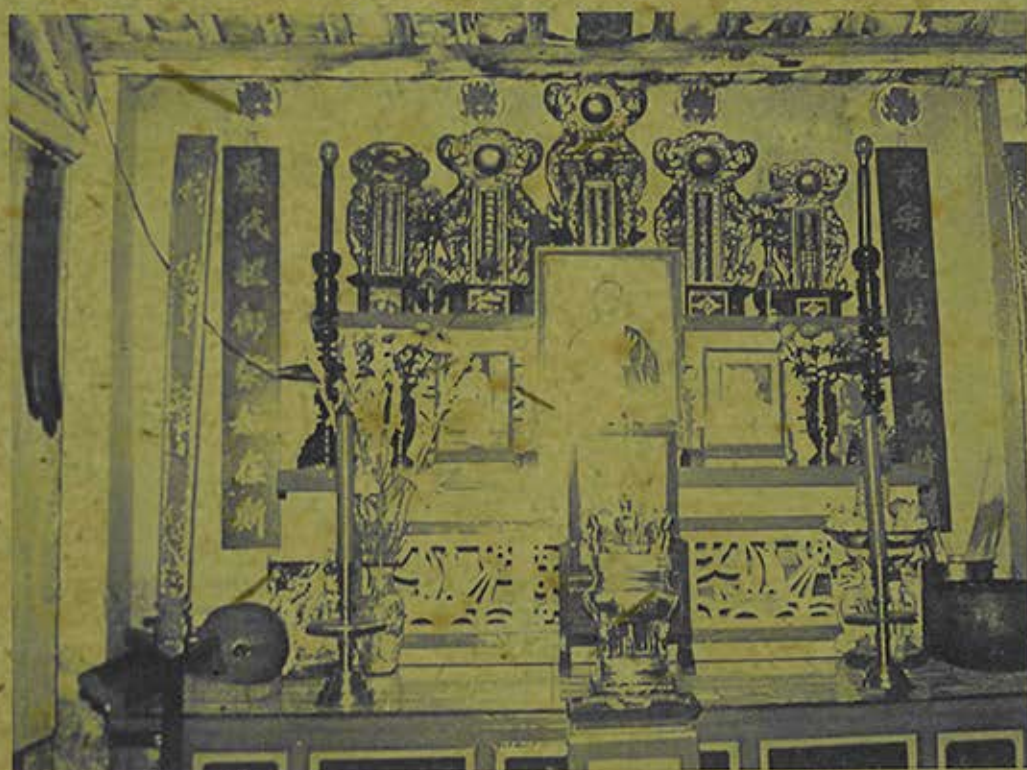
Ni sư Thích nữ Trí Tiên (chùa Long Khánh - Vĩnh Long) phát cơm từ thiện cho bệnh nhân. (Ảnh chụp năm 2000)



Lễ cấp giấy đăng ký hoạt động cho Tỉnh Độ cư sĩ Phật hội Việt Nam, mỗi chùa là cơ sở hốt thuốc từ thiện miễn phí. (Ảnh chụp năm 2006)



Các ni cô thiên viện Viên Chiêu (Đồng Nai) đang cấy lúa. (1997)



Ảnh Thiền sư Trí Thiên (giữa), người tham gia hoạt động cách mạng chống Pháp, bị giết ngoài Côn Đảo. (Ảnh chụp năm 1994)



Lễ kiết giới seima chùa Trà Nóc (xã Song Lộc, H.Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) ngày 22/3/2009. (Ảnh chụp năm 2009)



Quán chay Hoa Đăng ở Thành phố Hồ Chí Minh
(website: <http://www.nigioingaynay.com>)



Cô gái Khmer bỏ tập sách vào lỗ seima để cầu học giỏi.
(Ảnh chụp năm 2009)



Phòng phát hành kinh sách chùa Viên Quang (An Giang).
(Ảnh chụp năm 2007)



ĐOÀN TỬ THIÊN XÃ HỘI TẶNG QUÀ CHO CÁC EM KHUYẾT TẬT NHÂN NGÀY TẾT NGUYÊN ĐÁN
TẠI XÃ BÌNH PHÚ - HUYỆN CHÂU PHÚ - TỈNH AN GIANG

Đoàn từ thiện xã hội Phật giáo tặng quà cho trẻ em
khuyết tật H.Châu Phú, Tỉnh An Giang. (Ảnh chụp năm 2007)



ĐOÀN TỬ THIÊN XÃ HỘI ĐẾN THĂM VÀ TẶNG QUÀ QUÝ CỤ GIÀ CÔ ĐƠN & TRẺ MỒ CÔI
TẠI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI GIÀ CÔ ĐƠN & TRẺ MỒ CÔI THỊ XÃ CHÂU ĐỐC.

Đoàn Từ thiện xã hội Phật giáo tặng quà cho người già neo đơn
và trẻ mồ côi, thị xã Châu Đốc. (Ảnh chụp năm 2007)



Triển lãm vườn thuốc Nam của Tịnh Độ cư sĩ Phật hội Việt Nam
tại Tổ đình Hưng Minh Tự (2006)



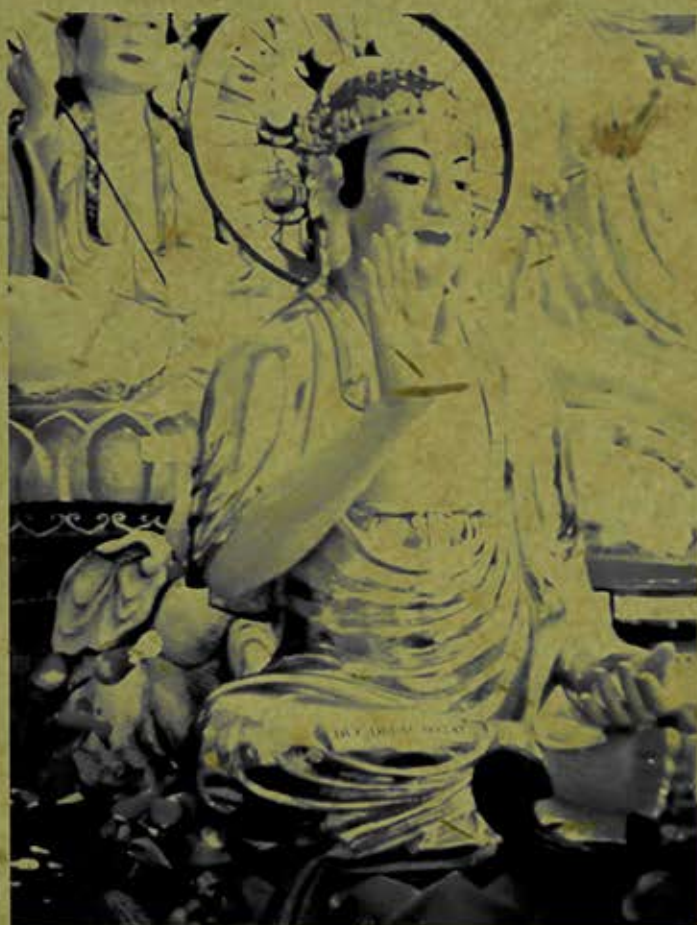
Kinh sách chữ Hán đang lưu giữ tại chùa Bửu Lâm (Đồng Tháp).
(Ảnh chụp năm 2008)



Nhà Tình Thương chùa Diệu Pháp (Đồng Nai).
(Ảnh chụp năm 2008)



Lễ vật bày bán trong ngày lễ kết giới seima chùa Trà Nóc
(xã Song Lộc, H.Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) ngày 22/3/2009.
(Ảnh chụp năm 2009)



Tượng Di Lặc bồ
tát. Chùa Tây Tạng
(tỉnh Bình Dương).
(Ảnh chụp năm 2008)



Hung Nhơn Tự, chùa có phòng thuốc Nam phước thiện,
tỉnh Long An. (Ảnh chụp năm 2008)



Chạm khắc tượng gỗ trong chùa Hang (Trà Vinh).
(Ảnh chụp năm 2009)



Lễ ra mắt Ban Từ thiện - xã hội Tp.HCM.
(website: <http://www.giacngo.vn>)



Lễ tắm Phật, ngày Phật Đản, Phật Lịch 2552,
chùa Huyền Trang (quận Tân Bình – Tp.HCM).
(Ảnh chụp năm 2008)



Đại trai đàn chẩn tế chùa Vĩnh Nghiêm.
(Ảnh chụp năm 2007)

TÌM HIỂU CHỨC NĂNG XÃ HỘI CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

PGS. TS TRẦN HỒNG LIÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập : **Đào Trọng Đức**
Sửa bản in : **Vân Anh**
Trình bày : **Thái Hòa**
Trình bày bìa : **Hoàng Chung**



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1

ĐT: 8225340-8296764-8247225

Fax: 84.8.8222726 * Email: nxbtphcm@vnn.vn

www.dulichmuasam.com.vn

In lần thứ nhất, Số lượng: 1000 cuốn, Khổ 13 x 19 cm.
Tại: Công ty TNHH TM-SX in bao bì Mỹ Tiên
Địa chỉ: 448/9 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, TP.HCM
GPXB số: 226-09/CXB/69-35/THTPHCM ngày 13/3/2009
In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2010

thuvienhuequang.vn

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn